

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202..

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-TĐH TP.HCM ngày 30 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Bất động sản được xây dựng bởi Khoa Quản lý đất đai, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. HCM cung cấp một hệ thống tri thức về lý luận, phương pháp và phương pháp luận trong lĩnh vực bất động sản. Nội dung chương trình bao gồm đầy đủ kiến thức về các quy luật tự nhiên, kinh tế - xã hội chi phối các hoạt động liên quan đến bất động sản, hệ thống pháp lý về bất động sản cũng như việc kinh doanh bất động sản; lập và quản lý dự án đầu tư.

Chương trình đào tạo ngoài việc cung cấp kiến thức chuyên môn cho sinh viên thì còn giúp cho người học có được kỹ năng nghiên cứu và vận dụng tri thức vào giải quyết vấn đề thực tiễn, nghiệp vụ, giao tiếp, tổ chức và quản lý công việc trong quá trình công tác; xây dựng cho người học một thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý bất động sản, có ý thức trách nhiệm cao với công việc được giao và có tinh thần trách nhiệm phục vụ cộng đồng, trung thực, chính trực trong khoa học và có ý thức tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

1.1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình: - Tiếng Việt - Tiếng Anh	- Bất động sản - Real estate
2. Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
3. Ngành đào tạo	Bất động sản
4. Mã số	7340116
5. Thời gian đào tạo	4 năm
6. Trường cấp bằng	Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh
7. Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: - Tiếng Việt - Tiếng Anh	- Cử nhân - The degree of Bachelor
8. Khoa quản lý	Khoa Quản lý đất đai

9. Điều kiện tốt nghiệp	
10. Học tập nâng cao trình độ	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước
11. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 12/2021

1.2. Chương trình đào tạo tham khảo khi xây dựng

- Chương trình khung đào tạo đại học chính quy của các trường đại học khác cùng đào tạo ngành Bất động sản và các ngành có liên quan như:

- + Chương trình khung ngành Bất động sản trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
- + Chương trình ngành Bất động sản trường Đại học Tài chính – Marketing
- + Chương trình ngành Bất động sản trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh;
- + Chương trình đào tạo đại học ngành Bất động sản trường Đại học Kinh tế Quốc dân

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh theo từng năm.

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

2. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực Bất động sản cho xã hội nói chung và ngành Tài nguyên & Môi trường nói riêng, có phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng, hiểu biết pháp luật và lý tưởng sống tốt đẹp, trên cơ sở được trang bị nền tảng kiến thức về đại cương, vững chắc về cơ sở ngành, chuyên sâu trong tổ chức nghiên cứu, quản lý và giải quyết các vấn đề chuyên môn, ứng dụng tốt công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề chuyên môn, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể: (Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, tin học,...)

+ PO1: Hệ thống kiến thức cơ bản về Triết học và Kinh tế học chính trị Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật đại cương phù hợp với ngành Bất động sản.

+ PO2: Hệ thống các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội phù hợp với ngành Bất động sản.

+ PO3: Kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành vững chắc cùng với kiến thức ngành quản lý đất đai để có năng lực thực hành nghề nghiệp một cách tổng thể có hệ thống trong việc phân tích thị trường, lập và quản lý dự án đầu tư phát triển bất động sản, định giá, marketing và quản trị bất động sản trong mối liên hệ với tài nguyên đất đai, nước và khí hậu.

+ PO4: Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc. Kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng và các phần mềm tin học khác phù hợp với ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu công việc.

+ PO5: Phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; Có tinh thần tự chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm trước nhóm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng và tinh thần tự học và học tập nâng cao trình độ. Có khả năng đảm nhiệm công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực của ngành Bất động sản.

2.2. Chuẩn đầu ra

2.2.1. Kiến thức

+ ELO1: Vận dụng kiến thức cơ bản của các môn triết học và kinh tế học chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống.

+ ELO2: Ứng dụng các kiến thức về khoa học tự nhiên và xã hội làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, để nghiên cứu và giải quyết các công việc chuyên môn.

+ ELO3: Liên kết được các kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành làm nền tảng cho việc học tập các môn học ngành và chuyên ngành.

+ ELO4: Vận dụng được phương pháp luận và phương pháp nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển và quản trị bất động sản, đồng thời vận dụng các văn bản pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản để hiểu và tổ chức thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong thị trường bất động sản có sự quản lý của nhà nước.

+ ELO5: Áp dụng được các quy trình và giải pháp quy hoạch, kiến trúc, kỹ thuật và tài chính để tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ của ngành bất động sản bao gồm: phân tích thị trường và định giá bất động sản, đầu tư phát triển và quản trị bất động sản.

+ ELO6: Phát triển được các kiến thức chuyên ngành đã được học để đề xuất được các giải pháp về đầu tư phát triển bất động sản, quản trị kỹ thuật và kinh doanh bất động sản phù hợp với định hướng phát triển đất đai và thị trường bất động sản của nhà nước.

2.2.2. Kỹ năng

+ ELO7: Sử dụng được tiếng Anh để hoàn thành báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày và trao đổi được các ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt một trong các chuẩn kỹ năng tiếng Anh với mức điểm tối thiểu để xét tốt nghiệp:

- Chứng nhận TOEIC nội bộ (do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP HCM cấp) 450;

- Chứng chỉ quốc tế còn thời hạn: TOEIC 450, TOEFL PBT 450, TOEFL CBT 133, TOEFL iBT 45, IELTS 4.5;

- Chứng chỉ B1 (tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ ELO8: Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho công việc chuyên môn. Đạt một trong các chuẩn kỹ năng Tin học để xét tốt nghiệp: Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao (do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT - BTITTT ngày 21 tháng 6 năm 2016); hoặc chứng chỉ Tin học văn phòng quốc tế MOS (Word, Excel, Powerpoint) với điểm đạt từ 700 trở lên.

+ ELO9: Thực hiện tốt các kỹ năng trong giao tiếp, hợp tác, đàm phán, quản lý mâu thuẫn và phản biện chuyên môn khi thực hiện các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu.

+ ELO10: Sử dụng thành thạo các loại máy móc, trang thiết bị và các phần mềm chuyên ngành để khảo sát, đo đạc, thu thập và xử lý số liệu phục vụ các công tác chuyên môn trong lĩnh vực Bất động sản.

+ ELO11: Phân tích được những thông tin trong lĩnh vực bất động sản để khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn liên quan đến hoạt động nghề nghiệp một cách khoa học, hiệu quả.

+ ELO12: Tổ chức được các công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, thu thập, xử lý số liệu tại thực địa.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ ELO13: Giải quyết được các hoạt động chuyên môn và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tập thể về các quyết định của cá nhân, sẵn sàng chia sẻ kiến thức chuyên môn để giúp ích cho cộng đồng và xã hội.

+ ELO14: Giám sát những người cùng nhiệm vụ thực hiện công việc được giao. Có thể tự định hướng giải quyết công việc, tự đưa ra kết luận cá nhân và bảo vệ được quan điểm cá nhân khi thuyết trình, bảo vệ các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu.

+ ELO15: Đánh giá được những khó khăn, nguy hiểm và tìm ra các giải pháp xử lý khi thực hiện các nhiệm vụ như điều tra, khảo sát thu thập thông tin về đất đai và thị trường bất động sản.

Ma trận mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

(H: High – Đóng góp cao, M: Medium – Đóng góp trung bình, L: Low – Đóng góp thấp)

Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)	Mục tiêu đào tạo (PLOs)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
ELO1	H	-	-	-	-
ELO2	M	H	H	-	M
ELO3	M	-	H	-	M
ELO4	H	M	H	M	-

Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)	Mục tiêu đào tạo (PLOs)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
ELO5	M	L	-	M	-
ELO6	M	-	H	H	-
ELO7	L	-		-	-
ELO8	-	M	M	-	M
ELO9	L	M	-	H	-
ELO10	-	M	H	M	M
ELO11	L	H	H	-	-
ELO12	L	M	H	-	-
ELO13	-	M	H	M	H
ELO14	-	M	H	-	H
ELO15	M	M	H	-	M

3. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo Bất động sản trình độ Đại học:

- Có đủ giảng đường, phòng học, phòng chức năng, thực hành, thực tập với các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của các học phần/môn học trong chương trình đào tạo.

- Thư viện của trường có phòng tra cứu thông tin, có phần mềm và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu, có đủ nguồn thông tin tư liệu, sách, giáo trình, bài giảng của các học phần, các tài liệu có liên quan, có tạp chí trong và ngoài nước xuất bản đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập các học phần/môn học trong chương trình đào tạo.

- Website của trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng đào tạo và thu chi tài chính.

3.1.1. Cơ sở đào tạo và các phòng học, thực hành

a. Cơ sở đào tạo

Trường có 2 cơ sở đào tạo: trụ sở tại số 236B Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và Cơ sở II tại số 228A ấp Long Đức 1, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tổng diện tích đất 6,03 ha đã được cấp có thẩm quyền giao sử dụng lâu dài; mục đích sử dụng cho giáo dục đào tạo, trong đó:

- Tại Trụ sở: diện tích đất: 5.400 m², tại số 236B Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại Cơ sở II: diện tích đất 54.888 m², tại số 228A ấp Long Đức 1, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

b. Phòng học, thực hành, thí nghiệm

Tổng diện tích sàn xây dựng đã được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đến 31/12/2012: 24.549 m². Hiện tại, Cơ sở vật chất đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo.

Bên cạnh đó trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt chủ trương triển khai các thủ tục cho dự án xây dựng Trụ sở mới tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số liệu Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM đã đầu tư hệ thống cơ sở vật chất hiện đại đảm bảo môi trường học tập, nghiên cứu và thư giãn cho người học. Hệ thống cơ sở vật chất chính phục vụ cho chương trình bao gồm:

- 64 phòng học, thuộc 3 cơ sở (2 cơ sở tại nội thành và 1 cơ sở tại Đồng Nai), với tổng số hơn 4.000 chỗ.

- Phòng được trang bị bàn ghế, bảng chống lóa, máy chiếu, hệ thống âm thanh, micro không dây.

- Phòng Lab, phòng đa năng, phòng học ngoại ngữ được trang bị máy lạnh, máy chiếu, thiết bị học ngoại ngữ, máy tính,...

- 1 sân bóng chuyên.

- 1 cửa hàng văn phòng phẩm.

- 1 căn tin phục vụ ăn uống và giải lao.

3.1.2. Hiện trạng trang thiết bị

a. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập

Trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập của Trường đa dạng về chủng loại với nhiều loại thiết bị khác nhau đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên và giảng dạy giảng viên. Hiện nay Trường có những phòng Thực hành – Thí nghiệm như sau:

- Phòng Thí nghiệm Môi trường;

- Phòng Thực hành Máy Khí tượng, Thủy văn;

- Phòng Máy Trắc địa - Bản đồ;

- Phòng Thực hành Hóa Lý Đại cương;

- Phòng Thực hành – Thí nghiệm Địa chất;

- Phòng Thực hành – Thí nghiệm Chế biến Khoáng sản;

- Phòng Thực hành Dự báo Khí tượng Thủy văn;

- Phòng Thực hành Tin học;

- Xưởng Thực hành Cấp thoát nước.

- Thư viện điện tử với phần mềm thư viện, và hệ thống tra cứu hiện đại với 40 máy vi tính tra cứu cho HSSV đưa vào hoạt động từ học kỳ I/2012-2013. Trường đã đầu tư

thiết bị và Thư viện đang triển khai số hóa giáo trình, tài liệu để HSSV tra cứu được tiện ích hơn.

- Máy chiếu (Projector) đang sử dụng cho các phòng học, phòng máy tính, phòng họp.

b. Trang thiết bị phục vụ công tác

Hiện tại, Cơ sở vật chất của trường đảm bảo được yêu cầu tối thiểu nơi làm việc cho các đơn vị.

DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

STT	Tên gọi của máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Thiết bị ngoại ngữ LABCOM	Đối thoại	24
2	Hệ thống thiết bị Phòng đa năng, phục vụ học tập, nghiên cứu	Suntech XClass	41
3	Hệ thống máy tính Phòng đa năng	Dell, Opplex	41
4	Hệ thống thiết bị Phòng học ngoại ngữ	Đài Loan	41
5	Hệ thống thiết bị phòng Lab	Máy lạnh – 1,5HP	2
		Tivi, đầu máy 29 inches	1
		Projector	1
6	Phần mềm MapInfo, MicroStation, ArcGis	Quốc tế	Không giới hạn
7	Phần mềm SPSS, Eview, DTREG xử lý dữ liệu trong nghiên cứu	Quốc tế	Không giới hạn
8	Phần mềm VinaLandInfo quản lý thông tin đất đai	Việt Nam	1

3.1.3. Danh mục giáo trình và sách chuyên khảo của ngành đào tạo

Hiện nay, nhà trường có thư viện với hơn 22.249 đầu sách chuyên môn và hàng ngàn tài liệu tham khảo khác đáp ứng yêu cầu giảng dạy cho chuyên ngành đào tạo. Những năm gần đây, trường đã quan tâm ưu tiên tăng cường đầu sách, mở rộng phòng đọc cho thư viện bằng nguồn kinh phí của trường. Trường cũng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường đầu tư kinh phí xây dựng thư viện điện tử, mở rộng diện tích phòng đọc nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu tài liệu trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của trường. Hơn 200 đầu sách ngoại văn và khả năng truy cập online các tạp chí khoa học chuyên ngành quản lý đất đai có uy tín:

- ✓ Tạp chí chuyên ngành Khoa học và Công nghệ
- ✓ Truy cập cơ sở dữ liệu trực tuyến để tham khảo các tạp chí nước ngoài
- Các cơ sở dữ liệu trực tuyến đang sử dụng, gồm:
 - ✓ Đề tài nghiên cứu khoa học Quốc gia
 - ✓ Đề tài nghiên cứu khoa học TP. HCM
 - ✓ CSDL SpringerLink

✓ CSDL Proquest

✓ CSDL IEEE

Nguồn tài liệu phục vụ đào tạo hiện có tại Thư viện Khoa và Trường bao gồm các loại sách, báo, tạp chí và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành, được phân thành các nhóm tài liệu như: Tài nguyên đất, Kinh tế đất đai, Định giá đất đai, Marketing, Quy hoạch, Công nghệ thông tin và các Luật liên quan đến bất động sản.

DANH MỤC TÀI LIỆU CHUYÊN NGÀNH PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
1	Bản đồ đất 1/100.000 các tỉnh (Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước và TP. Hồ Chí Minh)	Phạm Quang Khánh		Việt Nam	2003	1
2	Bản đồ đất 1/100.000 các tỉnh (Ninh Thuận, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu và Cà Mau)	Phạm Quang Khánh		Việt Nam	2004	1
3	Bản đồ đất 1/100.000 tỉnh Lâm Đồng	Phạm Quang Khánh		Việt Nam	2005	1
4	Bài giảng Công nghệ GPS (Dùng cho cao học ngành trắc địa)	Phạm Hoàng Lân	Trường Đại học Mô đất Hà nội	Việt Nam	1997	5
5	Bài giảng Định vị vệ tinh (Dùng cho cao học ngành bản đồ)	Phạm Hoàng Lân	Trường Đại học Mô đất Hà nội	Việt Nam	2000	5
6	Báo cáo kết quả đề tài Nghiên cứu hệ thống GPS đo vẽ bản đồ và khả năng ứng dụng trong công tác thành lập bản đồ địa hình, bản đồ địa chính	Tập thể tác giả	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	2000	1
7	Bách khoa toàn thư về kinh tế học và khoa học quản lý	A. SILEM, (Nguyễn Thị Minh Thuý và ctv dịch)	Lao động xã hội	Việt Nam	1998	2
8	Báo cáo quy hoạch sử dụng đất đai toàn quốc đến năm 2010 và xa hơn	Tổng cục Địa chính		Việt Nam	1999	1
9	Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh nội dung, phương pháp quy hoạch sử dụng đất đai các cấp tỉnh, huyện, xã	Tập thể tác giả	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	2004	1
11	Bài giảng Công nghệ viễn thám ứng dụng trong địa chính & bản đồ	Nguyễn Xuân Lâm	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	1999	5
12	Bài giảng Cơ sở viễn thám & điều vẽ ảnh	Nguyễn Xuân Lâm	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	1999	5

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
13	Bài giảng Ứng dụng công nghệ viễn thám trong quản lý đất đai	Tô Quang Thịnh	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	1999	5
14	Bài giảng Kỹ thuật và các phương pháp viễn thám	Nguyễn Đình Dương	Trường Đại học Mở Địa chất Hà Nội	Việt Nam	1998	5
15	Công nghệ thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp ảnh đơn	Tập thể tác giả	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	1998	5
16	Các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế	Nguyễn Khắc Minh	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2002	2
17	Các mô hình tăng trưởng và dự báo kinh tế - Lý thuyết và thực hành, Sách chuyên khảo	Nguyễn Thị Cảnh	Đại học Quốc gia TP.HCM	Việt Nam	2004	2
18	Các thể chế, sự thay đổi thể chế và hoạt động kinh tế	Douglass C. North	Trung tâm Nghiên cứu Bắc Mỹ	Việt Nam	1998	1
19	Cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách và sử dụng hợp lý quỹ đất đai, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước	Tập thể tác giả	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	1999	1
20	Chính sách dân tộc của các chính quyền nhà nước phong kiến Việt Nam (X-XIX)	Phan Hữu Dật, Lâm Bá Nam	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	2001	1
21	Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ Lục Tỉnh	Nguyễn Đình Đầu	NXB Trẻ	Việt Nam	1999	1
22	Các Văn bản Pháp luật về quản lý đất đai, Tập I, II, và III		Bản đồ	Việt Nam	2002	1
23	Các học thuyết của nền kinh tế thị trường, Tài liệu tham khảo	Việt Phương	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	1998	2
24	Chính sách đô thị	Võ Kim Cương	Xây dựng	Việt Nam	2006	2
25	Chiến lược phát triển – Bàn về tư duy có tính chiến lược	Ngô Doãn Vịnh và ctv	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	2007	2
26	Cẩm nang đánh giá dự án	Tập thể tác giả	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Việt Nam	2007	1
27	Các phương pháp thẩm định giá bất động sản	Đoàn Văn Trường	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2000	2
28	Chiến lược định giá đất ở Việt Nam: Đề xuất về tổ chức, Chương trình hợp tác Việt Nam – Thụy Điển về đổi mới Hệ thống Địa chính	Tập thể tác giả	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	2001	1
29	Cơ sở viễn thám	Phan Văn Quỳnh	Đại học Quốc gia Hà Nội	Việt Nam	1998	2

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
30	Dự án khả thi xây dựng CSDL Quốc gia về tài nguyên đất	Tổng cục Địa chính		Việt Nam	2006	1
31	Đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền	Trần An Phong	Nông nghiệp	Việt Nam	1995	2
32	Điều tra, đánh giá đất theo FAO/UNESCO và quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn một tỉnh (Lấy tỉnh Đồng Nai làm ví dụ)	Vũ Cao Thái, Phạm Quang Khánh, Nguyễn Văn Khiêm	Nông nghiệp	Việt Nam	1997	2
33	Đất đồng bằng Sông Cửu Long, Sách chuyên khảo	Tôn Thất Chiêu, Nguyễn Công Pho, Nguyễn Văn Nhân, Trần An Phong, Phạm Quang Khánh	Nông nghiệp	Việt Nam	1991	2
34	Đất và môi trường	Lê Văn Khoa và ctv	Giáo dục	Việt Nam	2000	2
35	Đất Việt Nam	Hội Khoa học Đất Việt Nam	Nông nghiệp	Việt Nam	2000	5
36	Đất cát biển Việt Nam, Sách chuyên khảo	Phan Liêu	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	1981	1
37	Đất ngập nước Việt Nam – Hệ thống phân loại, Sách chuyên khảo	Nguyễn Chí Thành, Phạm Trọng Thịnh, Nguyễn Văn Nhân, Phạm Quang Khánh, Nguyễn Ngọc Anh, Lê Thái Bạt	Nông nghiệp	Việt Nam	2004	1
38	Địa chính Pháp	Lavigne S., (Đào Đình Bắc và Trương Cam Thảo dịch)	Thế giới	Việt Nam	1999	1
39	Dấu ấn thương hiệu, Tập I, II, III	Tôn Thất Nguyễn Thiêm	NXB Trẻ	Việt Nam	2005	3
40	Đánh giá và đề xuất sử dụng tài nguyên đất phát triển nông nghiệp bền vững (thời kỳ 1996 - 2000 và 2010)	Trần An Phong	Nông nghiệp	Việt Nam	1995	1
41	Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020	Bộ Xây dựng	Xây dựng	Việt Nam	1999	1
42	Điều tra đánh giá đất theo phương pháp FAO/UNESCO và quy hoạch sử dụng đất	Vũ Cao Thái	Nông nghiệp	Việt Nam	1997	1
43	Đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo quan điểm sinh thái bền vững	Trần An Phong	Nông nghiệp	Việt Nam	1995	5
44	Đất Việt nam	Tôn Thất Chiêu, Đỗ Đình Thuận	Nông nghiệp	Việt Nam	1996	5
45	Đất rừng Việt nam	Nguyễn Ngọc Bình	Nông nghiệp	Việt Nam	1996	1
46	Đất Đông Nam Bộ	Phan Liêu	Nông nghiệp	Việt Nam	1992	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
47	Giáo trình biên tập bản đồ	Lê Thị Ngọc Liên	Đại học Quốc gia TP.HCM	Việt Nam	2001	5
48	Giới thiệu về hệ thống định vị toàn cầu (GPS). Tài liệu bồi dưỡng công nghệ mới, 4/2000 - Chương trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển về đổi mới hệ thống Địa chính	Tập thể tác giả	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	2000	2
49	Giáo trình kinh tế học chính trị Mác - Lê Nin	Tập thể tác giả	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	1999	1
50	Giáo trình kinh tế tài nguyên đất	Ngô Đức Cát	Nông nghiệp	Việt Nam	2000	5
51	Giáo trình Đánh giá đất	Đào Châu Thu, Nguyễn Khang	Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội	Việt Nam	1998	1
52	Giáo trình lý thuyết thống kê ứng dụng trong quản trị và kinh tế	Hà Văn Sơn	Thống kê	Việt Nam	2004	5
53	Giáo trình nguyên lý thị trường nhà đất	Lê Đình Thắng	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	2002	5
54	Giáo trình hệ thống thông tin đất đai, Chương trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển về đổi mới Hệ thống Địa chính	Tập thể tác giả	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	2001	5
55	Giáo trình Thống kê kinh tế	Nguyễn Trần Quế, Vũ Mạnh Hà	Đại học Quốc gia Hà Nội	Việt Nam	2001	5
56	Giáo trình quy hoạch sử dụng đất đai	Đoàn Công Quỳ	Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội	Việt Nam	1997	5
57	Hệ thống bản đồ trong quy hoạch sử dụng đất đai, Tài liệu đào tạo - Chương trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển	Tập thể tác giả	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	1999	5
58	Hệ cơ sở dữ liệu	Dương Tuấn Anh và Nguyễn Trung Trực	Đại học Quốc gia	Việt Nam	2006	5
59	Hệ thống đánh giá đất lâm nghiệp	Đỗ Đình Sâm, Ngô Đình Quế, Vũ Tấn Phương	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2005	2
60	Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính, Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý hành chính nhà nước	Tập thể tác giả	Giáo dục	Việt Nam	2005	5
61	Hệ thống thông tin địa lý	Đặng Văn Đức	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2001	5
62	Hướng tới kế hoạch đầu tư đa ngành hợp nhất, Dự án Quốc gia VIE/95/051: Tăng cường năng lực quản lý và quy hoạch đô thị tại TP.HCM	Tập thể tác giả	UBND TP.HCM	Việt Nam	1998	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
63	Hướng tới sự phát triển đất nước: Một số vấn đề lý thuyết và ứng dụng	Ngô Doãn Vịnh và ctv	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	2006	5
64	Hệ thống nông nghiệp, Giáo trình cao học nông nghiệp	Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam	Nông nghiệp	Việt Nam	1999	1
65	Hội thảo Ứng dụng viễn thám trong quản lý môi trường Việt Nam (Dự án "Tăng cường năng lực cho cơ quan quản lý môi trường Việt Nam - SEMLA")	Cục Môi Trường – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường		Việt Nam	1999	1
66	Kinh tế học đô thị	Phạm Ngọc Côn	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	1999	5
67	Kỷ yếu hội nghị khoa học công nghệ, Phân ban trắc địa bản đồ	Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh		Việt Nam	2002	1
68	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm và ctv	Thống kê	Việt Nam	1999	5
69	Kinh tế học đô thị	Nhiều Hội Lâm, (Lê Quang Lâm dịch)	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	2004	5
70	Kinh tế phát triển nông thôn	Hội Khoa học Kinh tế đất nông lâm nghiệp	Nông nghiệp	Việt Nam	1995	2
71	Lịch sử các học thuyết của nền kinh tế thị trường	Việt Phương	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	2002	2
72	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	Đinh Văn Mậu, Phạm Hồng Thái	TP. Hồ Chí Minh	Việt Nam	1997	1
73	Lý thuyết kinh tế và công nghiệp xây dựng	Patricia M. Hillebrandt, (Nguyễn Thanh Hiền và ctv dịch)	Xây dựng	Việt Nam	2000	2
74	Lập và phân tích dự án phát triển nông thôn	Hội Khoa học Kinh tế đất nông lâm nghiệp	Nông nghiệp	Việt Nam	1995	1
75	Lập Dự án đầu tư, Giáo trình dùng cho hệ sau đại học	Nguyễn Bạch Nguyệt	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2004	5
76	Một số vấn đề lý luận của Mác và Lê Nin về địa tô, ruộng đất	Nguyễn Đình Kháng, Vũ Văn Phúc	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	2000	1
77	Một số hệ thống canh tác trên đất lúa, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển hệ thống canh tác đồng bằng sông Cửu Long	Tập thể tác giả	Trường Đại học Cần Thơ	Việt Nam	1999	1
78	Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách	Lê Chi Mai	Đại học Quốc gia TP.HCM	Việt Nam	2001	5
79	Những thông tin cơ bản về các loại đất chính Việt Nam	Nguyễn Văn Bộ và ctv	Thế giới	Việt Nam	2001	2
80	Nhập môn lý thuyết trò chơi và ứng dụng trong quản lý kinh doanh	Nguyễn Khắc Minh	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2002	5
81	Những vấn đề chủ yếu về kinh tế phát triển	Ngô Doãn Vịnh và ctv	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	2007	2
82	Nông nghiệp và môi trường	Lê Văn Khoa và ctv	Giáo dục	Việt Nam	2000	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
83	Nghiên cứu và phát triển hệ thống nông nghiệp, Giáo trình dùng cho nghiên cứu sinh trong nước	Mai Văn Quyền	Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam	Việt Nam	1999	1
84	Nguyên lý thiết kế quy hoạch xây dựng vùng, điểm dân cư đô thị	Võ Khắc Vần	Đại học Quốc gia TP.HCM	Việt Nam	2001	2
85	Nghiên cứu một số nguyên nhân cơ bản làm biến động giá đất đô thị trên thị trường và đề xuất phương pháp định giá đất đô thị phù hợp ở nước ta	Tập thể tác giả	Viện Nghiên cứu Địa chính	Việt Nam	2004	5
86	Những tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế năm 2005	Tập thể tác giả	TP. Hồ Chí Minh	Việt Nam	2005	5
87	Nguyên tắc và thực hành thẩm định giá (tài liệu lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thẩm định giá do ban vật giá Chính phủ và Văn phòng Thẩm định giá Úc tổ chức năm 2001)			Việt Nam	2001	1
88	Phương pháp phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp	Vũ Đình Tích, Nguyễn Bá Thân	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	Việt Nam	1993	1
89	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	Trần Thành Trai	Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia – Phân viện Công nghệ thông tin TP.HCM	Việt Nam	1999	1
90	Phân tích số liệu nhiều chiều	Tô Cẩm Tú, Nguyễn Huy Hoàng	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2003	5
91	Phương pháp định lượng trong quản lý và vận hành	Huỳnh Trung Lương, Trương Tôn Huyền Đức	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2002	2
92	Phương pháp phân tích và dự báo kinh tế - xã hội cho các nhà quản lý	Võ Kim Sơn và ctv	Khoa học và Kỹ Thuật	Việt Nam	1999	2
93	Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị	Nguyễn Đăng Sơn	Xây dựng	Việt Nam	2001	2
94	Phương pháp luận cơ bản về quy hoạch sử dụng đất đai	Tổng cục Địa chính		Việt Nam	1999	1
95	Phát triển đô thị bền vững	Tôn Nữ Quỳnh Trân	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Việt Nam	2003	1
96	Quy trình đánh giá đất đai phục vụ nông nghiệp. Tiêu chuẩn ngành 10TCN- 343-98 Bộ Nông nghiệp và PTNT	Bộ Nông nghiệp và PTNT		Việt Nam	1998	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
97	Quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý hành chính nhà nước	Tập thể tác giả	Giáo dục	Việt Nam	2005	5
98	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	Tập thể tác giả	Chính trị Quốc gia	Việt Nam	2004	2
99	Quy hoạch ngành và các chương trình quốc gia ở Việt Nam đến và sau năm 2000	Ngô Mạnh Hùng	Thống kê	Việt Nam	1997	1
100	Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	Nguyễn Thế Bá	Xây dựng	Việt Nam	2004	5
101	Quản lý đất đai và thị trường bất động sản	Tôn Gia Huyền, Nguyễn Đình Bông	Bản đồ	Việt Nam	2007	1
102	Quản lý đô thị	Nguyễn Ngọc Châu	Xây dựng	Việt Nam	2001	5
103	Quản lý đô thị thời kỳ chuyển đổi	Võ Kim Cương	Xây dựng	Việt Nam	2004	2
104	Quy hoạch ngành và các chương trình quốc gia ở Việt Nam đến và sau năm 2000	Ngô Mạnh Hùng	Thống kê	Việt Nam	1997	2
105	Quy hoạch xây dựng và phát triển điểm dân cư nông thôn	Đỗ Đức Viêm	Xây dựng	Việt Nam	1997	5
106	Quy hoạch phát triển và xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư nông thôn	Nguyễn Minh Tâm	Xây dựng	Việt Nam	2000	2
107	Quy chuẩn định mức quy hoạch nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm	Tôn Thất Chiêu	Nông nghiệp	Việt Nam	1990	1
108	Quản trị dự án đầu tư	Nguyễn Xuân Thuỷ và ctv	Thống kê	Việt Nam	2003	5
109	Sổ tay định vị GPS	David Wells, (Lê Văn Hưng dịch)	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	1997	1
110	Sinh thái môi trường đất	Lê Huy Bá	Nông nghiệp	Việt Nam	1998	1
111	Sử dụng ảnh vệ tinh SPOT để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ kiểm kê đất năm 2000	Tô Quang Thịnh và ctv	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	1999	1
112	Trắc địa và bản đồ kỹ thuật số	Nguyễn Thế Thân và ctv	Giáo dục	Việt Nam	1998	1
113	Tài nguyên đất vùng Đông Nam Bộ, Hiện trạng và tiềm năng. (Sách chuyên khảo)	Phạm Quang Khánh	Nông nghiệp	Việt Nam	1995	1
114	Tài nguyên đất vùng Đồng Tháp Mười. Sách chuyên khảo	Phan Liêu, Vũ Cao Thái, Phạm Quang Khánh	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	1998	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
115	Tài nguyên đất	Trần Kông Tấu	Đại học Quốc gia Hà Nội	Việt Nam	2005	1
116	Từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch chiến lược, Dự án Quốc gia VIE/95/051: Tăng cường năng lực quản lý và quy hoạch đô thị tại TP.HCM	Tập thể tác giả	UBND TP.HCM	Việt Nam	1998	1
117	Tạp chí Quy hoạch Xây dựng năm 2003, 2004, 2005, 2006			Việt Nam		4
118	Tài liệu lớp học thẩm định giá của Ban vật giá Chính Phủ			Việt Nam	1997	1
119	Tài nguyên đất Đồng Tháp Mười	Phan Liêu	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	1998	1
120	Thực trạng viễn thám ở Việt nam và định hướng phát triển ứng dụng công nghệ viễn thám đến 2005	Tô Quang Thịnh	Tổng cục Địa chính	Việt Nam	1999	1
121	Vị thế, chất lượng và sự lựa chọn khác: Tiến tới một lý thuyết mới về vị trí dân cư đô thị	Hoàng Hữu Phê và Patrick Wakely		Việt Nam	2003	5
122	Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên & môi trường	Nguyễn Ngọc Thạch (chủ biên)	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	1997	1
123	Xây dựng bản đồ sử dụng đất đai bằng phương pháp hiện đại, Tài liệu đào tạo - Chương trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển	Tổng cục Địa chính		Việt Nam	1999	1
124	Xã hội học đô thị	Trần Hùng	Xây dựng	Việt Nam	2002	2
125	Quản lý tài chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng	Thái Bá Cẩn	Tài chính	Việt Nam	2003	1
126	Xác suất thống kê và quy hoạch thực nghiệm	Bùi Minh Trí	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2005	1
127	Những vấn đề của phát triển không gian đô thị	Nhiều tác giả	Đại học QG TP.HCM	Việt Nam	2005	1
128	Chính sách thu hút đầu tư vào thị trường bất động sản Việt Nam	Lê Xuân Bá, Trần Kim Chung	Chính trị quốc gia	Việt Nam	2006	1
129	Tư duy chiến lược và khoa học mới	T. Irene Sanders	Tri thức	Việt Nam	2006	1
130	Lý thuyết trò chơi trong kinh doanh	A. M. Brandenburger, B. J. Nalabuff	Tri thức	Việt Nam	2007	1
131	Giải pháp Keynes con đường dẫn tới sự thịnh vượng kinh tế toàn cầu	Paul Davidson	Trẻ	Việt Nam	2009	1
132	Phi lý trí	Dan Ariely	Lao động - xã hội	Việt Nam	2009	1
133	Khi bong bóng vỡ	John P. Calverley	Trẻ	Việt Nam	2010	1
134	Biến đổi khí hậu và Năng lượng	Nguyễn Thọ Nhân	Tri thức	Việt Nam	2011	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
135	Kinh tế học bền vững	Holger Rogall	Khoa học tự nhiên và công nghệ	Việt Nam	2011	2
136	Xây dựng vùng giá trị đất đai	Trịnh Hữu Liên, Hoàng Văn Hùng	Nông nghiệp	Việt Nam	2013	2
137	Giáo trình Định giá đất	Trịnh Hữu Liên, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Thị Khuy	Khoa học và Kỹ thuật	Việt Nam	2014	2
138	Từ Xác định đến Bất định	F. David Peat	Tri thức	Việt Nam	2014	1
139	Tất định luận và tự do lựa chọn	Isaiah Berlin	Tri thức	Việt Nam	2015	1
140	A framework for land evaluation. Soil Bulletin No.32	FAO	FAO		1976	1
141	Automated land evaluation system ALES Version 4.65 user manual. ALES project – Department of Crop and Soil Sciences (CSS)	David G. Rossiter & Armand R. Van Wambeke	Cornell University	USA	2000	1
142	African Experience of Tenure Reform and Cadastres: A Place in the Global Sun? Paper presented at the UN-FIG Conference on Land Tenure and Cadastral Infrastructures for Sustainable Development, Melbourne, Australia 25-27 October 1999	Ezigbalike C. and Selebalo C. Q.		Australia	1999	1
143	Cadastre 2014: A Vision for a Future Cadastral System. Results 1994-98 meeting of working group 1 of FIG Commission 7, Rüdlingen and Bern, Switzerland, July	Kaufmann J. and Steudler D.		Switzerland	1998	1
144	City Development Strategy (CDS) For Medium size City in Vietnam: Workshop document Can Tho city's Development strategies Cantho			Vietnam	2006	1
145	City Development Strategy (CDS) For Medium size City in Vietnam: Workshop document Ha Long city's Development strategies 2006			Vietnam	2006	1
146	Computerized systems of land resources appraisal for agricultural development	FAO		FAO	1993	1
147	Environmental Management, Issues and Solutions	Atchia, M. & Tropp S.	Wiley and Sons Publisher	USA	1997	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
148	Economics, Ethics and Environmental Policy, Contested Choices	Bromley D. & Paavila J.	Blackwell Publisher Ltd	USA	2002	1
149	Environmental Assessment in Developing and Transtional Countries	Lee N. & George C.	Wiley and Sons Publisher	USA	2000	1
150	Effective Envirnmental Management, Principles and case studies	Sullivan R. & Wyndham H.		Australia	2001	1
151	Economics and development	Barbara Ingham	McGraw Book Company Europe	British Kingdom	1995	1
152	Economic Development	Michael P. Todaro	Longman, sixth Edition	British Kingdom	1997	1
153	Environmental soil chemistry	D.L. Sparks	Academic Press	USA	1992	1
154	Fundamental of Spatial Information Systems	Robert Laurini & Derek Thompson	Academic Press	USA	1992	1
155	Guidelines: Land evaluation for rainfed agriculture. Soil Bulletin No.52	FAO	FAO	FAO	1983	1
156	Guidelines: Land evaluation for irrigated agriculture. Soil Bulletin No.55	FAO	FAO	FAO	1985	1
157	Guideline for land use planning	FAO	FAO	FAO	1988	1
158	Getting started with Geographic Information Systems 3 rd Edittion	Keith C. Clarke, Prentice Hall		USA	2001	1
159	GIS Work Book – Fundamental & Technical Courses	Shunji Murai		USA	1996	1
160	Guide to City Development Strategies: Improving Urban Performance	Cities Alliance		USA	2006	1
161	Guidelines on Social analysis for rural area development planning	Diane Conyes	FAO	FAO	1993	1
162	Guidelines for land use planning	FAO	FAO	FAO	1993	1
163	Guidelines for land evaluation for rainfed agriculture No.52 FAO/ROME	FAO	FAO	FAO	1993	1
164	Land evaluation for forestry. No.48	FAO	FAO	FAO	1984	1
165	Land evaluation and farming systems analysis for land use planning	FAO	FAO	FAO	1992	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
166	Land evaluation – Lecture notes for LE Module	Hulzing H	International Institute for Aerospace Survey and Earth Sciences	USA	1993	1
167	Land Registration and Cadastre Systems: Principles and Related Issues. Lecture for Master's Program Land Management and Land Tenure	Henssen, J. IR	Munich Technical University	German	2001	1
168	Land Registration and Cadastral Systems: Tools of Land Information and Management. New York: Longman Scientific and Technical	Larsson, G.	Longman Scientific and Technical	USA	1991	1
169	Land Policies for Growth and Poverty Reduction	Deininger, K.	Co-publication of the World Bank and Oxford University Press	British King dom	2003	1
170	Lessons from Southeast Asian Cadastral Reform, Land Titling and Land Administration Projects in Supporting Sustainable Development in the Next Millennium. Paper presented at the UN-FIG Conference on Land Tenure and Cadastral Infrastructures for Sustainable Development, Melbourne, Australia 25-27 October 1999	Grant, C		Australia	1999	1
171	Land Registration and Cadastral Systems: Tools of Land Information and Management	Larsson, G	Longman Scientific and Technical	USA	1991	1
172	Legal Impediments to Effective Rural Land Relations in Eastern Europe and Central Asia: A Comparative Perspective	Prosterman, R. and T. Hanstad (eds.)	Washington DC: The International Bank for Reconstruction & Development, the World Bank Press	USA	1999	1
173	Land Administration Guidelines		United Nations Publication	USA	1996	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
174	Operation Research: Application and Algorithms	Wayne L. Winston	International Thomson Publishing	USA	1994	1
175	Practical Cost Benefit Analysis: Basic Concepts and Applications	Perkin F.	MacMillan Education	Australia	1994	1
176	Rural Development Planning Human Settlements Division	Hiran D. Dias and Wickramanayake BWE	AIT Bangkok	Thailand	1983	1
177	Remote sensing and image interpretation (2nd edition)	Thomas M. Lillesand, Ralph W.Kiefer	John Willey & Son	USA	1987	1
178	Remote sensing digital image analysis	John A. Richards	Springer-Verlag	USA	1994	1
179	Soil survey and land evaluation.	Dent.D And Young	GeorgeAllen and Unwin	British Kingdom	1987	1
180	Systems of Land Registration: Aspects and Registration. The Netherlands: NCG, Nederlandse, Commissie voor Geodesie, Netherlands Geodetic Commission, Delft Press	Zevenbergen, J.		Netherland	2002	1
181	Sustainability, the Environment and Urbanization Earthscan	Pugh C.	Publication Ltd	British Kingdom	1996	1
182	Shazam Economics Computer Program Version 8.0			USA	2001	1
183	Snodgrass: Economics of Development	Malcolm Gillis, Dwight H. Perkins, Michael Roemer, Donald R.	W. W. Norton & Company	British Kingdom	1992	1
184	Soil survey: perspectives and strategies for the 21 st century.	FAO	FAO	FAO	1995	1
185	Tradition and Reform: Land Tenure and Rural Development in South – East Asia	Cleary, M. and P. Eaton	Oxford University Press	British Kingdom	1996	1
186	The Bathurst Declaration on Land Administration for Sustainable Development. The Declaration of the UN-FIG Conference on Land Tenure and Cadastral Infrastructures for Sustainable Development, Melbourne, Australia 25 – 27 October 1999	United Nations and International Federation of Surveyors (FIG)		Australia	1999	1
187	The nature and properties of Soils	Brady N. C. & Weil R. R.		USA	2002	1

STT	Tên sách, tạp chí, báo	Tác giả	Nhà xuất bản	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng
188	World reference base for soil resources, World soil resources reports 84, ISSS/ISRIC/FAO	FAO	FAO	FAO	1998	1
189	World Reference Base for Soil Resources (Introduction). Acco Leuven/Amersfoort	J.A. Deckers, F.O. Nachtergaele, O.C. Spaargaren			1998	1
190	Cơ sở khoa học của Địa chính, Sách giáo khoa, (tiếng Nga)	Tập thể tác giả	Trường Đại học Quản lý đất đai Matxcova	LB Nga	1995	1
191	Các cơ chế điều chỉnh nhà nước về quan hệ đất đai tại Việt Nam, Luận án Tiến sỹ, (tiếng Nga)	Trần Thanh Hùng	Trường Đại học Quản lý đất đai Matxcova	LB Nga	2001	1
192	Địa chính các nước trên thế giới, Sách giáo khoa, (tiếng Nga)	Tập thể tác giả	Trường Đại học Quản lý đất đai Matxcova	LB Nga	1996	1
193	Điều chỉnh nhà nước về quan hệ đất đai trong kinh tế thị trường, Sách giáo khoa, (tiếng Nga)	Tập thể tác giả	Trường Đại học Quản lý đất đai Matxcova	LB Nga	2001	1
194	Hoàn thiện lý thuyết và phương pháp quy hoạch đất đai, (tiếng Nga)	Volkov X. N.	Kolox	LB Nga	1993	1
195	Kinh tế quy hoạch đất đai, (tiếng Nga)	Volkov X. N.	Kolox	LB Nga	1996	1
196	Luận chứng kinh tế - sinh thái tổ chức chống xói mòn đất đai vùng lãnh thổ, (tiếng Nga)	Konokotin N. G.	Trường Đại học Quản lý đất đai Matxcova	LB Nga	1996	1
197	Quy hoạch sử dụng đất đai, (tiếng Nga)	Volkov X. N.	Kolox	LB Nga	1997	1
198	Quy hoạch lãnh thổ hành chính các cấp, (tiếng Nga)	Noxov X. I.	Trường Đại học Quản lý đất đai Matxcova	LB Nga	2003	1
199	Tổ chức lãnh thổ sản xuất trên cơ sở môi trường sinh thái, (tiếng Nga)	Varlamov A. A.	Trường Đại học Quản lý đất đai Matxcova	LB Nga	1993	1
200	Thổ nhưỡng học nhiệt đới, (tiếng Nga)	S.V. Zonn		LB Nga	1986	1

3.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

STT	Họ tên	Khoa/Bộ môn quản lý	Giảng dạy môn/Học phần	Số tín chỉ
1	Trần Thanh Hùng	Khoa Quản lý đất đai	Cơ sở quản lý đất đai	2
			Hệ thống quản lý giá đất	2
			Định giá bất động sản	2
			Mô hình định giá đất	2

2	Nguyễn Hữu Cường	Khoa Quản lý đất đai	Quy hoạch sử dụng đất đai	2
			Phân tích và dự báo KT-XH	2
			Mô hình hóa QHSDD	2
3	Trần Hồng Quang	Khoa Quản lý đất đai	Tài chính và đầu tư bất động sản	2
			Quản trị bất động sản	2
			Phân tích thị trường bất động sản	2
			Thị trường bất động sản	2
4	Võ Quốc Khánh	Khoa Quản lý đất đai	Lập dự án đầu tư bất động sản	2
			Quản lý dự án đầu tư bất động sản	2
			Marketing kỹ thuật số	2
			Phát triển bất động sản	2
5	Lê Văn Tình	Khoa Quản lý đất đai	Viễn thám và ứng dụng trong QLDD	2
			Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng trong QLDD	2
7	Nguyễn Huy Anh	Khoa Quản lý đất đai	Hệ thống thông tin địa lý	2
			Lập trình căn bản	2
8	Báo Văn Tuy	Khoa Hệ thống thông tin và Viễn thám	Cơ sở dữ liệu đại cương	
9	Bùi Thị Thu Hà	Khoa Môi trường	Sinh thái học	
			Môi trường và con người	
10	Hoàng Thị Thanh Thủy	Khoa Địa chất – khoáng sản	Địa chất thủy văn sinh thái	
			Địa chất công trình	
11	Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên	Khoa Quản lý đất đai	Định giá đất đai	
			Marketing bất động sản	
			Kinh tế đất đai	
12	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Quản lý đất đai	Chính sách đất đai	
			Tài chính đất đai	
			Giao, cho thuê và thu hồi đất đai	
13	Trần Thế Long	Khoa Quản lý đất đai	Kỹ năng giao tiếp trong quản lý đất đai	
			Thanh tra đất đai	
14	Đỗ Thanh Xuân	Khoa Quản lý đất đai	Hệ thống đăng ký đất đai	
			Phát triển đất đai	
15	Đỗ Thế Sơn	Khoa Quản lý đất đai	Luật nhà ở và luật xây dựng	
			Hệ thống văn bản và hồ sơ địa chính	
			Pháp luật đất đai	
16	Trần Văn Trọng	Khoa Quản lý đất đai	Quy hoạch sử dụng đất đai chuyên đề	

			Thiết kế Quy hoạch sử dụng đất đai	
			Hệ hỗ trợ ra quyết định sử dụng đất đai	
			Quy hoạch phát triển vùng lãnh thổ	
17	Huỳnh Thị Thanh Hạnh	Khoa Quản lý đất đai	Quản lý thông tin đất đai	
			Phân tích và thiết kế HTTT đất đai	
18	Trương Công Phú	Khoa Quản lý đất đai	Đánh giá đất đai	
			An toàn lao động	
			Giám sát đất đai	
19	Lê Minh Chiến	Khoa Quản lý đất đai	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	
			Quy hoạch sử dụng đất đai	
			Tài nguyên đất	
20	Nguyễn Văn Cương	Khoa Quản lý đất đai	Khai phá dữ liệu	
			Cơ sở dữ liệu đất đai	
21	Ngô Thị Hiệp	Khoa Quản lý đất đai	Quy hoạch sử dụng đất nông thôn	
			Giám sát đất đai	
			Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	
			Tài nguyên đất	
22	Trần Mỹ Hào	Khoa Quản lý đất đai	Quy hoạch sử dụng đất đô thị	
			Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý đất đai	
			Quản lý thông tin đất đai	
			Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	
			GIS ứng dụng	
			Cơ sở dữ liệu không gian	
24	Nguyễn Đức Anh	Khoa Quản lý đất đai	Tin học chuyên ngành	
			Thực hành tin học chuyên ngành	
			Cơ sở dữ liệu đất đai	
25	Hoàng Thị Thu Hoài	Khoa Quản lý đất đai	Giao, cho thuê và thu hồi đất đai	
			Hệ thống đăng ký đất đai	
			Thông kê và kiểm kê đất đai	
26	Vũ Thị Cẩm Tú	Khoa Quản lý đất đai	Tâm lý học đại cương	
			Cơ sở văn hóa Việt Nam	
27	Võ Thị Tuyết Mai	Khoa Khoa học đại cương	Phân tích định lượng cho quản lý	
			Xác suất thống kê	
28	Tô Thị Lệ	Khoa Khoa học đại cương	Anh văn 1	

29	Nguyễn Thị Lê Phi	Khoa Khoa học đại cương	Anh văn 2	
30	Trần Thị Bảo Trâm	Khoa Khoa học đại cương	Toán cao cấp 1, 2, 3	
31	Huỳnh Thiên Tài	Khoa Khoa học đại cương	Hoá đại cương	
32	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Khoa Khoa học đại cương	Hoá đại cương	
33	Đinh Thị Thúy Liễu	Khoa Khoa học đại cương	Vật lý Cơ - Nhiệt	
34	Nguyễn Thị Như Dung	Khoa Khoa học đại cương	Vật lý Điện - Quang	
35	Hồ Ngọc Vinh	Khoa Luật và Lý luận chính trị	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
			Tư tưởng HCM	
36	Nguyễn Thị Ngọc	Khoa Luật và Lý luận chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
			Triết học Mác - Lênin	
37	Võ Thị Hồng Hiếu	Khoa Luật và Lý luận chính trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
38	Đặng Hoàng Vũ	Khoa Luật và Lý luận chính trị	Pháp luật đại cương	
			Luật dân sự	
			Logic học đại cương	
39	Vũ Thị Hạnh Thu	Khoa Luật và Lý luận chính trị	Xã hội học đại cương	
40	Nguyễn Văn Thắng	Bộ môn Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	
41	Biện Hùng Vỹ	Bộ môn Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	
42	Nguyễn Thị Tuyết	Khoa Khí tượng, thủy văn và Biên giới khí hậu	Khí tượng và khí hậu đại cương	
43	Nguyễn Bá Huy	Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường	Kinh tế vi mô	
			Kinh tế vĩ mô	
			Kinh tế học đại cương	
44	Đặng Bắc Hải	Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường	Kinh tế học bền vững	
			Nguyên lý thống kê	
45	Phạm Văn Tùng	Khoa Trắc địa, Bản đồ và GIS	Trắc địa địa chính	
46	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa Trắc địa, Bản đồ và GIS	Trắc địa đại cương	
47	Nguyễn Thị Thuận	Khoa Trắc địa, Bản đồ và GIS	Bản đồ chuyên đề	
			Bản đồ đại cương	
48	Trần Ký	Khoa Tài nguyên nước	Tài nguyên nước	

4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP

Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tình huống... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

4.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình cử nhân/ kỹ sư cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ các dạng học phần mà mình tham gia giảng dạy (học phần lý thuyết hay thực hành, học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp;

- Nắm rõ các phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp,...);

- Hiểu rõ sinh viên trong lớp (sinh viên năm nhất, năm hai, ..., năm cuối);

- Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;

- Giảng viên cần chuẩn bị giáo trình, bài giảng, đề cương chi tiết học phần, các slide trình chiếu, lịch trình dạy học, kế hoạch dạy học và thông báo cho sinh viên.

4.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập của chương trình đào tạo ngành..... học được thực hiện theo các định hướng sau đây:

a) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để sinh viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực sau khi tốt nghiệp.

b) Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập, tìm tòi, khám phá, vận dụng.

c) Vận dụng các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng sinh viên và điều kiện cụ thể. Tùy theo yêu cầu cần đạt, giảng viên có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau.

Các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại, ...) được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên. Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đề cao vai trò chủ thể học tập của sinh viên (dạy học thực hành, dạy học nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, dạy học theo trải nghiệm, khám phá, dạy học bằng tình huống, ... với những kỹ thuật dạy học phù hợp).

d) Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt; kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở giảng đường, học theo dự án học tập, tự học, ... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học. Coi trọng các nguồn học liệu là giáo trình chính và tài liệu tham khảo thêm đã được giảng viên trang bị; cần khai thác triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông

trong dạy học trên các phương tiện kho tri thức - đa phương tiện, tăng cường sử dụng các tư liệu điện tử.

Các phương pháp giảng dạy tích cực:

- *PP1. Phương pháp thuyết trình*: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

- *PP2. Phương pháp động não*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

- *PP3. Phương pháp Suy nghĩ – Từng cặp – Chia sẻ*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

- *PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

- *PP5. Phương pháp hoạt động nhóm*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

- *PP6. Phương pháp đóng vai*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy suy xét, phản biện, nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân;

- *PP7. Phương pháp học dựa vào dự án*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về lập giả thuyết, kỹ năng thiết kế các công trình xử lý môi trường, triển khai, kỹ năng giao tiếp bằng viết, kỹ năng thuyết trình;

- *PP8. Phương pháp mô phỏng*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng mô hình hóa trong dự đoán lan truyền ô nhiễm trong môi trường; kỹ năng thử nghiệm khảo sát; giao tiếp đồ họa;

- *PP9. Nghiên cứu tình huống*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính.

...

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (ELOs) và các phương pháp giảng dạy – học tập

(Đánh dấu X để mô tả mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (ELOs) và các phương pháp giảng dạy – học tập)

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra (ELOs)														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
1. Phương pháp thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

2. Phương pháp động não			x						x			x			x
3. Phương pháp Suy nghĩ – Từng cặp – Chia sẻ	x			x			x				x		x		
4. Phương pháp học dựa trên vấn đề		x			x			x					x		x
5. Phương pháp hoạt động nhóm		x				x			x						x
6. Phương pháp đóng vai				x			x				x				
7. Phương pháp học dựa vào dự án	x	x									x				x
8. Phương pháp mô phỏng	x		x					x							x
9. Nghiên cứu tình huống	x			x				x				x			

4.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

- Có nhiều hình thức giúp đỡ hỗ trợ sinh viên yếu trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

- Mỗi học kỳ, các bộ môn, khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên.

- Các học phần của chương trình đào tạo đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của giảng viên phụ trách học phần.

5. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

5.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức Giáo dục đại cương	25	4
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	81	26
2.1	Kiến thức cơ sở nhóm ngành	11	14
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	10	0
2.3	Kiến thức ngành	18	0
2.4	Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	30	12
2.5	Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp	12	0
Tổng cộng (*)		106	30
		136	

Ghi chú: (*)Không kể GDTC và GDQP-AN.

Mô tả vắn tắt từng khối kiến thức

- Kiến thức giáo dục đại cương bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 42 tín chỉ.

- Kiến thức giáo dục đại cương không bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 29 tín chỉ.

+ Bắt buộc: 25 tín chỉ.

+ Tự chọn: 4/8 tín chỉ (Chọn 4 tín chỉ để học trong tổng số 8 tín chỉ tự chọn).

b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 107 tín chỉ.

- Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành: 95 tín chỉ.

+ Bắt buộc: 69 tín chỉ.

+ Tự chọn: 26/64 tín chỉ (26 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 64 tín chỉ tự chọn).

- Kiến thức tốt nghiệp: 12 TC.

+ Thực tập tốt nghiệp: 4 TC.

+ Khóa luận / Đồ án tốt nghiệp: 8 TC.

5.2. Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

Khối kiến thức	Số TC	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra (ELOs)														
			ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương	29	21,3	x	x					x	x							

2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	107	78,7															
- Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành	25	18,4			x												
- Khối kiến thức cơ sở ngành	10	7,3				x											
- Kiến thức ngành	18	13,2				x	x				x	x	x	x			
- Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	42	30,9					x	x			x	x	x	x			
- Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp	12	8,9					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

(H: High – Đóng góp cao, M: Medium – Đóng góp trung bình, L: Low – Đóng góp thấp)

5.3. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết;

- TH, BT, TT, ĐA, BTL: Thực hành, Bài tập, Thực tập, Đồ án, Bài tập lớn

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN.

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			43							
	1.1. Bắt buộc			39							
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	2	3	45	0	0		90		
2	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	2	30	0	0		60		
3	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	2	30	0	0		60		
4	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	30	0	0		60		
5	12 11 15 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6	2	30	0	0		60		
6	11 13 1 5 006	Anh văn 1	1	3	45	0	0		90		
7	11 13 1 5 002	Anh văn 2	2	3	45	0	0		90	11 13 1 5 006	
8	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1	1	2	30	0	0		60		
9	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2	2	2	30	0	0		60	11 11 1 5 008	
10	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê	2	2	30	0	0		60	11 11 1 5 009	
11	12 11 1 5 015	Pháp luật đại cương	1	2	30	0	0		60		
12	Giáo dục thể chất										

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
12.1	20 00 15 001	GDTC - Đá cầu	1	1	6	24	0				
12.2	20 00 15 002	GDTC - Bóng chuyền	1	1	6	24	0				
12.3	20 00 15 003	GDTC - Cầu Lông	1	1	6	24	0				
12.4	20 00 15 004	GDTC - Điền kinh	1	1	6	24	0				
12.5	20 00 15 005	GDTC - Thể dục	1	1	6	24	0				
13	20 11 1 5 006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	1	8	0	0	0				
	1.2. Tự chọn			4							
14	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 4/8TC
15	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 4/8TC
16	11 12 1 5 010	Điện tử - Quang	2	2	30	0	0		60	11 12 1 5 001	Tự chọn: 4/8TC
17	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 4/8TC
	2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			107							
	2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			25							
	2.1.1. Bắt buộc			11							
18	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương	3	3	45	0	0		90		
19	16 03 1 5 101	Bản đồ đại cương	4	2	30	0	0		60		
20	17 01 1 5 151	Cơ sở dữ liệu đại cương	2	2	30	0	0		60		
21	17 02 1 5 002	Hệ thống thông tin địa lý đại cương	3	2	30	0	0		60		
22	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản	4	2	30	0	0		60		
	2.1.2 Tự chọn			14							
23	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
24	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
25	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
26	18 02 1 5 999	Kinh tế học bền vững	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
27	14 01 1 5 002	Môi trường và con người	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
28	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
29	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
30	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
31	15 00 1 5 150	Sinh thái học cảnh quan	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
32	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
33	15 00 1 5 103	Logic học đại cương	4	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
34	15 00 1 5 104	Tâm lý học đại cương	4	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
35	15 00 1 5 119	Xã hội học đại cương	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
36	15 00 1 5 120	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
37	15 00 1 5 151	Địa lý học lịch sử Việt Nam	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
38	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
39	15 04 1 5 401	Quản trị học	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
2.2. Kiến thức cơ sở ngành				10							
39	15 04 1 5 118	Nguyên lý thống kê	3	2	30	0	0		60		
40	15 02 1 5 101	Cơ sở quản lý đất đai	2	2	30	0	0		60		
41	15 01 1 5 101	Tài nguyên đất đai	3	2	30	0	0		60		
42	15 04 1 5 101	Kinh tế đất đai	3	2	30	0	0		60		
43	15 02 1 5 116	Chính sách đất đai	3	2	30	0	0		60		
2.3. Kiến thức ngành				18							
44	15 01 1 5 118	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	5	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
45	15 01 1 5 103	Đánh giá đất đai	4	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
46	15 04 1 5 102	Định giá đất đai	5	2	30	0	0		60	15 04 1 5 101	
47	15 01 1 5 104	Quy hoạch sử dụng đất đai	5	2	30	0	0		60	15 04 1 5 101	
48	15 04 1 5 119	Phân tích định lượng cho quản lý	4	2	6	24	0		60		
49	15 04 1 5 108	Tài chính và đầu tư bất động sản	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
50	15 04 1 5 115	Phát triển bất động sản	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 109	
51	15 04 1 5 111	Quản trị bất động sản	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
52	15 00 1 5 101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	5	2	30	0	0		60	15 02 1 5 101	
2.4. Kiến thức chuyên ngành				42							
2.4.1. Bắt buộc				30							
53	15 03 1 5 101	Tin học chuyên ngành	6	1	15	0	0		30		
54	15 03 1 5 102	Thực hành tin học chuyên ngành	6	2	0	0	60		60	15 03 1 5 101	

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
55	15 04 1 5 120	Mô hình hóa định giá đất đai	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 102	
56	15 04 1 5 104	Thị trường bất động sản	5	2	30	0	0		60		
57	15 04 1 5 105	Phân tích thị trường bất động sản	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
58	15 04 1 5 106	Định giá bất động sản	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
59	15 04 1 5 103	Hệ thống quản lý giá đất	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 102	
60	15 04 1 5 110	Marketing bất động sản	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
61	15 04 1 5 112	Kiến trúc công trình xây dựng	6	2	30	0	0		60		
62	15 04 1 5 113	Dự toán công trình xây dựng	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 112	
63	15 04 1 5 109	Lập dự án đầu tư bất động sản	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 108	
64	15 04 1 5 114	Quản lý dự án đầu tư bất động sản	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 109	
65	15 04 1 5 125	Đồ án Định giá bất động sản	6	2	0	0	0	60		15 04 1 5 106	
66	15 04 1 5 126	Đồ án Phân tích thị trường bất động sản	7	2	0	0	0	60		15 04 1 5 105	
67	15 04 1 5 210	Đồ án Lập dự án đầu tư bất động sản	8	2	0	0	0	60		15 04 1 5 109	
68	15 04 1 5 127	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	5	1	0	0	0	30			
	2.4.2. Tự chọn			12							
69	15 02 1 5 120	Luật đất đai	4	2	30	0	0		60	15 02 1 5 116	Tự chọn: 12/30TC
70	15 02 1 5 123	Luật kinh doanh bất động sản	4	2	30	0	0		60	12 02 1 5 001	Tự chọn: 12/30TC
71	15 02 1 5 124	Luật nhà ở và Luật xây dựng	5	2	30	0	0		60	12 02 1 5 001	Tự chọn: 12/30TC
72	15 02 1 5 122	Luật dân sự	4	2	30	0	0		60	12 02 1 5 001	Tự chọn: 12/30TC
73	15 04 1 5 209	Marketing trực tuyến	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
74	15 04 1 5 202	Kiến trúc cảnh quan	5	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
75	15 00 1 5 205	Văn hoá bản địa và kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
76	15 04 1 5 203	Kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng vùng nông thôn	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
77	15 04 1 5 211	Quản trị môi trường và kỹ thuật toà nhà	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
78	15 01 1 5 122	Quy hoạch sử dụng đất đô thị	6	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
79	15 00 1 5 203	Phong thủy và ứng dụng	6	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
80	15 02 1 5 107	Hệ thống đăng ký đất đai	5	2	30	0	0		60	15 02 1 5 120	Tự chọn: 12/30TC
81	15 02 1 5 108	Thống kê và kiểm kê đất đai	5	2	30	0	0		60	15 02 1 5 120	Tự chọn: 12/30TC
82	15 03 1 5 105	Quản lý thông tin đất đai	5	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
83	15 03 1 5 201	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng	6	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
2.5. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp				12							
84	15 04 1 5 130	Thực tập tốt nghiệp	7	4	0	0	0	120		15 04 1 5 127	
85	15 04 1 5 131	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	0	0	240		15 04 1 5 130	

5.4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

STT	TÊN HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra													
			Kiến thức					Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Mã HP	Học phần	EL01	EL02	EL03	EL04	EL05	EL06	EL07	EL08	EL09	EL010	EL011	EL012	EL013	EL014	EL015
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương																
1.1. Lý luận chính trị																
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	x	x												x
2	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x												x
3	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x												x
4	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x												x
5	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	X												x
1.2. Khoa học xã hội																
6	12 11 1 5 015	Pháp luật đại cương	x			x	x					x			x	x
1.3. Ngoại ngữ																
7	11 13 1 5 006	Anh văn 1										x				
8	11 13 1 5 002	Anh văn 2										x				
1.4. Khoa học tự nhiên																
1.4.1. Khoa học tự nhiên (phần bắt buộc)																

TÊN HỌC PHẦN			Chuẩn đầu ra												Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
			Kiến thức						Kỹ năng								
STT	Mã HP	Học phần	EL01	EL02	EL03	EL04	EL05	EL06	EL07	EL08	EL09	EL010	EL011	EL012	EL013	EL014	EL015
9	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1		x	x												
10	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2		x	x												
11	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê		x	x												
1.4.2. Khoa học tự nhiên (phần tự chọn)																	
12	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3		x	x					x							
13	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt		x	x					x							
14	11 12 1 5 010	Điện tử - Quang		x	x					x							
15	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương		x	x					x							
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																	
2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành																	
2.1.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành (bắt buộc)																	
16	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương		x	x		x	x									
17	16 03 1 5 101	Bản đồ đại cương															
18	17 01 1 5 151	Cơ sở dữ liệu đại cương		x	x		x	x									

STT	TÊN HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra													
			Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
Mã HP	Học phần	EL01	EL02	EL03	EL04	EL05	EL06	EL07	EL08	EL09	EL010	EL011	EL012	EL013	EL014	EL015
19	17 02 1 5 002	Hệ thống thông tin địa lý đại cương		x	x		x	x								
20	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản		x	x		x	x			x					
2.1.2. Kiến thức cơ sở nhóm ngành (tự chọn)																
21	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô				x			x							
22	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô				x			x							
23	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương				x			x							
24	18 02 1 5 999	Kinh tế học bền vững				x			x							
25	14 01 1 5 002	Môi trường và con người				x			x							
26	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	x	x	x											
27	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	x	x	x											
28	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	x	x	x											
29	15 00 1 5 150	Sinh thái học cảnh quan	x	x	x											
30	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	x	x	x											

TÊN HỌC PHẦN			Chuẩn đầu ra												Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
			Kiến thức						Kỹ năng								
STT	Mã HP	Học phần	EL01	EL02	EL03	EL04	EL05	EL06	EL07	EL08	EL09	EL010	EL011	EL012	EL013	EL014	EL015
31	15 00 1 5 103	Logic học đại cương				x		x			x						
32	15 00 1 5 104	Tâm lý học đại cương	x			x		x			x			x		x	x
33	15 00 1 5 119	Xã hội học đại cương	x			x		x			x			x		x	x
34	15 00 1 5 120	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x				x				x			x		x	x
35	15 00 1 5 151	Địa lý học lịch sử Việt Nam	x				x				x			x		x	x
36	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng		x	x												
2.2. Kiến thức cơ sở ngành																	
37	15 04 1 5 118	Nguyên lý thống kê				x		x			x						
38	15 02 1 5 101	Cơ sở quản lý đất đai	x				x										
39	15 01 1 5 101	Tài nguyên đất đai					x					x					
40	15 04 1 5 101	Kinh tế đất đai					x										
41	15 02 1 5 116	Chính sách đất đai	x				x										
2.3. Kiến thức ngành																	

STT	TÊN HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra												Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
			Kiến thức						Kỹ năng								
			EL01	EL02	EL03	EL04	EL05	EL06	EL07	EL08	EL09	EL010	EL011	EL012			
	Mã HP	Học phần															
42	15 01 1 5 118	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai				X	X										
43	15 01 1 5 103	Đánh giá đất đai				X	X	X						X		X	
44	15 04 1 5 102	Định giá đất đai				X	X	X						X	X		
45	15 01 1 5 104	Quy hoạch sử dụng đất đai						X	X			X					
46	15 04 1 5 119	Phân tích định lượng cho quản lý						X	X			X					
47	15 04 1 5 108	Tài chính và đầu tư bất động sản								X		X					
48	15 04 1 5 115	Phát triển bất động sản					X	X									
49	15 04 1 5 111	Quản trị bất động sản						X	X			X					
50	15 00 1 5 101	Phương pháp nghiên cứu khoa học							X	X		X					
2.4. Kiến thức chuyên ngành																	
2.4.1. Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)																	
51	15 03 1 5 101	Tin học chuyên ngành				X	X	X		X							
52	15 03 1 5 102	Thực hành tin học chuyên ngành				X	X	X		X							
53	15 04 1 5 120	Mô hình hóa định giá đất đai				X	X	X		X							

STT	TÊN HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra												Năng lực tự chủ và trách nhiệm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
			Kiến thức						Kỹ năng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
			EL01	EL02	EL03	EL04	EL05	EL06	EL07	EL08	EL09	EL010	EL011	EL012																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Mã HP	Học phần																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									</

STT	TÊN HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra												Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
			Kiến thức						Kỹ năng								
Mã HP	Học phần	EL01	EL02	EL03	EL04	EL05	EL06	EL07	EL08	EL09	EL010	EL011	EL012	EL013	EL014	EL015	
2.4.2. Kiến thức chuyên ngành (tự chọn)																	
67	15 02 1 5 120	Luật đất đai				X	X	X			X						
68	15 02 1 5 123	Luật kinh doanh bất động sản	X		X	X	X	X	X		X		X		X	X	X
69	15 02 1 5 124	Luật nhà ở và Luật xây dựng	X		X	X	X	X	X		X		X		X	X	X
70	15 02 1 5 122	Luật dân sự				X	X	X	X		X						
71	15 04 1 5 209	Marketing kỹ thuật số				X	X	X	X		X						
72	15 04 1 5 202	Kiến trúc cảnh quan				X	X	X	X		X						
73	15 00 1 5 205	Văn hoá bản địa và kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng				X	X	X	X		X						
74	15 04 1 5 203	Kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng vùng nông thôn				X	X	X	X		X						
75	15 04 1 5 211	Quản trị môi trường và kỹ thuật toà nhà				X	X	X	X		X						
76	15 01 1 5 122	Quy hoạch sử dụng đất đô thị				X	X	X	X		X						
77	15 00 1 5 203	Phong thủy và ứng dụng		X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X
78	15 02 1 5 107	Hệ thống đăng ký đất đai				X	X	X	X				X		X	X	X

STT	TÊN HỌC PHẦN		Chuẩn đầu ra															Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
			Kiến thức					Kỹ năng												
Mã HP	Học phần	EL01	EL02	EL03	EL04	EL05	EL06	EL07	EL08	EL09	EL010	EL011	EL012	EL013	EL014	EL015				
79	15 02 1 5 108	Thống kê và kiểm kê đất đai				X	X	X					X	X	X					
80	15 03 1 5 105	Quản lý thông tin đất đai					X	X		X										
81	15 03 1 5 201	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng				X	X	X	X			X	X							
2.5. Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp																				
82	15 04 1 5 130	Thực tập tốt nghiệp		X		X	X		X	X			X	X	X	X	X			
83	15 04 1 5 131	Khóa luận tốt nghiệp		X		X	X	X	X	X			X	X	X	X	X			

5.5. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			7							
1	11 13 1 5 006	Anh văn 1	3	45	0	0		90		
2	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1	2	30	0	0		60		
3	12 11 1 5 015	Pháp luật đại cương	2	30	0	0		60		
4	Giáo dục thể chất									
4.1	20 00 15 001	GDTC - Đá cầu	1	6	24	0				
4.2	20 00 15 002	GDTC – Bóng chuyền	1	6	24	0				
4.3	20 00 15 003	GDTC – Cầu Lông	1	6	24	0				
4.4	20 00 15 004	GDTC – Điền kinh	1	6	24	0				
4.5	20 00 15 005	GDTC – Thể dục	1	6	24	0				
5	201115006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	0	0	0		0		
Học phần tự chọn			6							
6	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt	2	30	0	0		60		Tự chọn 4/8TC
7	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34 TC
8	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34 TC
9	14 01 1 5 002	Môi trường và con người	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34 TC
10	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
11	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
12	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
Tổng (không kể GDTC và GDQP)			27	420	0	120		780		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			14							
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0				
2	11 13 1 5 002	Anh văn 2	3	45	0	0		90	11 13 1 5 006	
3	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2	2	30	0	0		60	11 11 1 5 008	
4	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê	2	30	0	0		60	11 11 1 5 009	
5	17 01 1 5 151	Cơ sở dữ liệu đại cương	2	30	0	0		60		
6	15 02 1 5 101	Cơ sở quản lý đất đai	2	30	0	0		60		
Học phần tự chọn			6							
7	11 12 1 5 010	Điện tử - Quang	2	30	0	0		60	11 12 1 5 001	Tự chọn 4/8TC
8	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 4/8TC
9	15 00 1 5 150	Sinh thái học cảnh quan	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
10	15 00 1 5 151	Địa lý học lịch sử Việt Nam	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
11	15 00 1 5 120	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
12	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
13	18 02 1 5 999	Kinh tế học bền vững	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
Tổng			20	285	0	0	0	570		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			15							
1	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0		60	12 11 1 5 010	
2	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương	3	45	0	0		90		
3	17 02 1 5 002	Hệ thống thông tin địa lý đại cương	2	30	0	0		60		
4	15 04 1 5 118	Nguyên lý thống kê	2	30	0	0		60		
5	15 01 1 5 101	Tài nguyên đất đai	2	30	0	0		60		
6	15 04 1 5 101	Kinh tế đất đai	2	30	0	0		60		
7	15 02 1 5 116	Chính sách đất đai	2	30	0	0		60		
Học phần tự chọn			4							
8	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3	2	30	0	0		60	11 11 1 5 009	Tự chọn 4/8TC
9	15 00 1 5 119	Xã hội học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
10	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
11	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
12	15 04 1 5 401	Quản trị học	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
Tổng			19	315	0	0		660		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			10							
1	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0		60	12 11 1 5 011	
2	16 03 1 5 101	Bản đồ đại cương	2	30	0	0		60		
3	15 01 1 5 103	Đánh giá đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
4	15 04 1 5 119	Phân tích định lượng cho quản lý	2	6	24	0		60		
5	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản	2	30	0	0		60		
Học phần tự chọn			6							
6	15 00 1 5 103	Logic học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
7	15 00 1 5 104	Tâm lý học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
8	15 02 1 5 120	Luật đất đai	2	30	0	0		60	15 02 1 5 116	Tự chọn 12/30
9	15 02 1 5 123	Luật kinh doanh bất động sản	2	30	0	0		60	12 11 1 5 015	Tự chọn 12/30

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
10	15 02 1 5 122	Luật dân sự	2	30	0	0		60	12 11 1 5 015	Tự chọn 12/30
Tổng			16	120	0	0		240		

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			13							
1	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0		60	12 11 1 5 012	
2	15 01 1 5 118	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 103	
3	15 04 1 5 102	Định giá đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
4	15 01 1 5 104	Quy hoạch sử dụng đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
5	15 00 1 5 101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	0		60	15 02 1 5 101	
6	15 04 1 5 104	Thị trường bất động sản	2	30	0	0		60		
7	15 04 1 5 127	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	1	0	0	0	30			
Học phần tự chọn			4							
8	15 02 1 5 107	Hệ thống đăng ký đất đai	2	30	0	0		60	15 02 1 5 120	Tự chọn 12/30
9	15 02 1 5 108	Thống kê và kiểm kê đất đai	2	30	0	0		60	15 02 1 5 120	Tự chọn 12/30
10	15 03 1 5 105	Quản lý thông tin đất đai	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
11	15 04 1 5 202	Kiến trúc cảnh quan	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
12	15 02 1 5 124	Luật nhà ở và Luật xây dựng	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
Tổng			17	240	0	0	90	480		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			19							
1	12 11 1 5 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0		60	12 11 1 5 013	
2	15 04 1 5 108	Tài chính và đầu tư bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
3	15 03 1 5 101	Tin học chuyên ngành	1	15	0	0		30		
4	15 03 1 5 102	Thực hành tin học chuyên ngành	2	0	0	60		60	15 03 1 5 101	
5	15 04 1 5 120	Mô hình hóa định giá đất đai	2	30	0	0		60	15 04 1 5 102	
6	15 04 1 5 112	Kiến trúc công trình xây dựng	2	30	0	0		60		
7	15 04 1 5 106	Định giá bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
8	15 04 1 5 110	Marketing bất động sản	2	30	0	0		60		
9	15 04 1 5 111	Quản trị bất động sản	2	30	0	0		60		
10	15 04 1 5 125	Đồ án Định giá bất động sản	2	0	0	0	60		15 04 1 5 106	
Học phần tự chọn			2							
11	15 01 1 5 122	Quy hoạch sử dụng đất đô thị	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30

12	15 00 1 5 203	Phong thủy và ứng dụng	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
13	15 03 1 5 201	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
Tổng			21	195	0	60	60	450		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			18							
1	15 04 1 5 115	Phát triển bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 109	
2	15 04 1 5 105	Phân tích thị trường bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
3	15 04 1 5 103	Hệ thống quản lý giá đất	2	30	0	0		60	15 04 1 5 102	
4	15 04 1 5 113	Dự toán công trình xây dựng	2	30	0	0		60	15 04 1 5 112	
5	15 04 1 5 109	Lập dự án đầu tư bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 108	
6	15 04 1 5 114	Quản lý dự án đầu tư bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 109	
7	15 04 1 5 126	Đồ án Phân tích thị trường bất động sản	2	0	0	0	60		15 04 1 5 105	
8	15 04 1 5 130	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	120		15 04 1 5 127	
Học phần tự chọn			2							
9	15 04 1 5 211	Quản trị môi trường và kỹ thuật toà nhà	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
10	15 04 1 5 209	Marketing trực tuyến	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
11	15 00 1 5 205	Văn hoá bản địa và kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
12	15 04 1 5 203	Kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng vùng nông thôn	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
Tổng			20	270	0	0	180	540		

Học kỳ 8:

Học Kỳ 8:										
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			10							
1	15 04 1 5 131	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	240		15 04 1 5 130	
2	15 04 1 5 210	Đồ án Lập dự án đầu tư bất động sản	2	0	0	0	60		15 04 1 5 109	
Tổng			10	90	0	0	240	120		

Ghi chú: (*) Không kê GDTC và GDQP-AN.

5.6. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương					
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	Ngoài một chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát nhưng nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.	45/0/90	
2	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về học thuyết giá trị, giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế CNTB độc quyền, CNTB độc quyền nhà nước, sự mạnh giai cấp công nhân và cách mạng xã hội, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng thế giới.	30/0/60	
3	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết các phạm trù, khái niệm, các quy luật chính trị - xã hội; Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước; Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn.	30/0/60	
4	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Môn tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc chung. Sau khi học xong môn học này, người học sẽ có ý thức trong việc vận dụng những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương trình bày những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học và trong mỗi chương sẽ trình bày những nội dung cơ bản theo mục tiêu của từng chương.	30/0/60	
5	12 11 15 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Là học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong các học phần lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp của dân tộc. Giúp sinh viên hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam; Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước; Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	30/0/60	

6	11 13 1 5 006	Anh văn 1	Thông qua 7 đơn vị bài học cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng phong phú về các chủ đề giáo dục, công việc, thư tín, hợp đồng, Về cú pháp cung cấp cho sinh viên cách sử dụng các loại từ loại trong tiếng Anh, câu ra lệnh, lời đề nghị, thông báo.	45/0/90	
7	11 13 1 5 002	Anh văn 2	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học	45/0/90	
8	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.	30/0/60	
9	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vector số học n chiều; ma trận và định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân.	30/0/60	
10	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê	Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.	30/0/60	
11	12 11 15 015	Pháp luật đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ	30/0/60	

			thống các văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.		
12	200015001 200015002 200015003 200015004 200015005	Giáo dục thể chất GDTC - Đá cầu GDTC – Bóng chuyền GDTC – Cầu Lông GDTC – Điền kinh GDTC – Thể dục	Phần 1: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3 học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III. Phần 2: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3 học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III.	30/120/0	
13	201115006	Giáo dục quốc phòng – an ninh	Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.		
14	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3	Học phần được kết cấu gồm ba nội dung lớn mà sinh viên cần nắm được đó là hàm số nhiều biến thực; tích phân bội và phương trình vi phân.	30/0/60	
15	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt	Học viên cần nắm được các nội dung của môn học Cơ – Nhiệt bao gồm: Phần cơ học gồm những kiến thức cơ bản về động học và động lực học chất điểm, động lực học hệ chất điểm, năng lượng và cơ học chất lưu; Phần nhiệt học gồm nguyên lý I và nguyên lý II nhiệt động học.	30/0/60	
16	11 12 1 5 010	Điện từ - Quang	Môn học Điện Từ – Quang bao gồm những nội dung sau: Phần Điện Từ gồm những kiến thức cơ bản về trường tĩnh điện và trường điện từ; Phần Quang học gồm những kiến thức cơ bản về quang hình học và quang học sóng (trong đó nghiên cứu hiện tượng giao thoa và nhiễu xạ ánh sáng).	30/0/60	
17	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương	Những định luật cơ bản của hoá học, các nguyên lý nhiệt động hoá học, cấu tạo chất, phản ứng hoá học, dung dịch, điện hoá, và các hệ keo.	30/0/60	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành					

18	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương	Nắm vững một số kiến thức cơ bản về trắc địa và bản đồ; những kiến thức về máy móc, dụng cụ đo đạc và cách sử dụng chúng trong công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa hình; nắm vững kiến thức cơ bản về xây dựng lưới khống chế mặt phẳng, lưới khống chế độ cao phục vụ việc thành lập bản đồ địa hình; trình tự, nội dung các bước công tác khi đo vẽ thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc. Có khả năng sử dụng, kiểm nghiệm một số loại máy móc đo đạc thông thường dùng trong đo góc, đo khoảng cách và đo chênh cao; cách ghi chép, tính toán và xử lý kết quả đo đạc; có khả năng xây dựng lưới khống chế thành lập bản đồ địa hình; đo ngắm, tính toán, bình sai gần đúng đường chuyển độ cao phù hợp, đường chuyển độ cao khép kín và lưới đường chuyển độ cao một điểm nút; thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc.	45/0/90	
19	16 03 1 5 101	Bản đồ đại cương	Nắm vững kiến thức về khái niệm bản đồ, các phương pháp thành lập, biên tập, các quy trình công nghệ sản xuất và cách sử dụng bản đồ; những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ bản đồ và những quy định kỹ thuật biểu thị các yếu tố nội dung bản đồ. Có khả năng sử dụng các công cụ truyền thống và vận dụng những kiến thức đã học để biểu thị các yếu tố nội dung bản đồ đạt yêu cầu kỹ thuật; ứng dụng công nghệ mới vào công tác thành lập các loại bản đồ.	30/0/60	
20	17 01 1 5 151	Cơ sở dữ liệu đại cương	Nắm vững kiến thức về CSDL không gian, một số giải pháp CSDL không gian phổ biến, nội dung về CSDL tài nguyên đất và hệ thống thông tin đất đai. Có khả năng phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.	30/0/60	
21	17 02 1 5 002	Hệ thống thông tin địa lý đại cương	Nắm vững các vấn đề cơ bản về GIS; Cơ sở dữ liệu địa lý; Các ứng dụng GIS. Có khả năng biết cách thu thập nguồn thông tin địa lý; Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin địa lý; Ứng dụng GIS giải quyết các vấn đề chuyên ngành.	30/0/60	
22	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản	Nắm vững kiến thức về nguyên lý lập trình máy tính, nguyên tắc lập trình hướng sự kiện bằng Visual Basic, hiểu rõ được công dụng và các thuộc tính thường dùng của các đối tượng điều khiển chuẩn. Viết được giải thuật một số phần toán cơ bản bằng mã giả và lưu đồ, sử dụng thành thạo các đối tượng điều khiển chuẩn để viết ứng dụng bằng Visual Basic, viết được một số ứng dụng cơ bản bằng Visual Basic.	30/0/60	

23	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô	Môn học giới thiệu đến sinh viên các nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô, sử dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích các hiện tượng kinh tế. Việc ứng dụng các lý thuyết và mô hình luôn được quan tâm đúng mức trong suốt môn học. Có thể hiểu các vấn đề kinh tế mà xã hội đang phải đối mặt, hiểu cách thức thị trường hoạt động và các ứng dụng của nó; có khả năng phân tích tính hiệu quả của thị trường; hiểu cách thức giá cả được hình thành trong các cơ cấu thị trường khác nhau và ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tế.	30/0/60	
24	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô	Cung cấp cho học viên về những kiến thức và công cụ phân tích một cách khách quan đối với nền kinh tế, nắm bắt được các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động tổng thể của nền kinh tế. Giải thích nguyên nhân nền kinh tế đạt được những thành công hay thất bại và các chính sách để nâng cao thành công của nền kinh tế. Vận dụng lý thuyết để giải thích các vấn đề kinh tế xã hội cơ bản mà thực tiễn đặt ra.	30/0/60	
25	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương	Mục tiêu chính của môn học là giới thiệu những công cụ chính của kinh tế học vĩ mô hiện đại nhằm giúp các học viên hiểu biết đầy đủ và chính xác về những vấn đề kinh tế quan trọng và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ, để từ đó học viên có thể phân tích, dự báo những hiện tượng kinh tế trong thế giới thực.	30/0/60	
26	18 02 1 5 999	Kinh tế học bền vững	Lý thuyết kinh tế của nghiên cứu bền vững mà có chú ý đến các cơ sở can thiệp của đa chuyên ngành với trọng tâm là làm sao có thể đạt được chuẩn mực về kinh tế, sinh thái và văn hóa – xã hội trong giới hạn khả năng chịu đựng của thiên nhiên, cũng như đảm bảo thực thi nguyên tắc công bằng nội và liên thế hệ.	30/0/60	
27	14 01 1 5 002	Môi trường và con người	Nắm vững kiến thức chung về môi trường và mối quan hệ giữa môi trường với các vấn đề về dân số, tài nguyên nhằm đề ra chương trình hành động để bảo vệ môi trường.	30/0/60	
28	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	Trang bị cho học viên những khái niệm cơ bản về khí tượng và khí hậu học, không khí và khí quyển, bức xạ và chế độ nhiệt của khí quyển, nước trong khí quyển, trường gió, trường áp và hoàn lưu khí quyển, phân vùng khí hậu và biến đổi khí hậu.	30/0/60	

29	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	Trình bày tổng quan về nước trên trái đất và khoa học về nước; trình bày cơ sở vật lý của các hiện tượng và quá trình thủy văn; phân tích các điều kiện khí tượng và ảnh hưởng của chúng đến chế độ nước đất liền; trình bày các kiến thức cơ bản và tổng quát nhất về nước dưới đất; khái niệm và cách xác định lưu vực sông, các đặc trưng hình thái của sông ngòi và lưu vực; nghiên cứu cơ chế và một số quy luật chuyển động của nước trong sông, các dòng chảy vòng trong nước, tổng quan về chế độ dòng chảy và mực nước sông, ảnh hưởng của các điều kiện mặt đệm và hoạt động kinh tế của con người tới chế độ nước sông, chế độ dòng chảy phù sa sông và diễn biến dòng sông; trình bày các kiến thức cơ bản và tổng quát nhất về hồ, hồ chứa nhân tạo và đầm lầy.	30/0/60	
30	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	Trình bày những kiến thức cơ bản về nước trong các thủy vực lục địa như một loại hình tài nguyên thiên nhiên đặc biệt, trong mối quan hệ giữa nó với các yếu tố tự nhiên nhằm hướng tới sử dụng hợp lý và tối ưu cho cả con người và tự nhiên.	30/0/60	
31	15 00 15 150	Sinh thái học cảnh quan	Học phần Sinh thái học cảnh quan cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên ngành, sự hiểu biết về quan hệ phức tạp giữa hệ sinh thái học với cảnh quan, con người với cảnh quan cũng như sự đa dạng về hệ sinh thái, cảnh quan ở vùng nhiệt đới gió mùa ở Châu Á và Việt Nam nhằm bảo vệ những giá trị sinh thái cảnh quan phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái.	30/0/60	
32	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	Môn học Địa chất thủy văn giới thiệu về nước dưới đất và môi trường vây quanh nó. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về nguồn gốc hình thành, vận động, biến đổi tính chất, thành phần của nước dưới đất.	30/0/60	
33	15 00 1 5 103	Logic học đại cương	Là học phần bắt buộc, được giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành quản lý đất đai, nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức về các hình thức, các quy tắc và quy luật của tư duy. Giúp sinh viên biết phân tích kết cấu của quá trình tư duy, chỉ ra các thao tác logic và phương pháp luận chuẩn xác để đạt được tri thức chân thực về thế giới.	30/0/60	
34	15 00 1 5 104	Tâm lý học đại cương	Là học phần tự chọn, được sắp xếp dạy ngay từ học kỳ đầu tiên của khóa học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được về tâm lý người, từ đó trang bị khả năng thích ứng tốt với môi trường xã hội. Sinh viên khi đang học và sau khi ra trường biết cách xây dựng tốt các mối quan hệ, cải thiện giao tiếp, tự tin với bản thân và phát triển sự nghiệp.	30/0/60	

35	15 00 1 5 119	Xã hội học đại cương	Xây dựng nền tảng cơ sở cho sinh viên hiểu và vận dụng cách ứng xử phù hợp với các mối quan hệ trong thực tế. Sinh viên nhận thức đúng đắn về vai trò, trách nhiệm cá nhân khi tham gia vào quan hệ xã hội, quan hệ pháp luật đất đai, nhằm lan tỏa ý nghĩa tích cực góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội	30/0/60	
36	15 00 1 5 120	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Là học phần tự chọn, được sắp xếp dạy ngay từ học kỳ đầu tiên của khóa học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sinh viên hiểu được về văn hóa, tầm quan trọng của văn hóa trong sự phát triển của đất nước, từ đó trang bị những kỹ năng mềm, khả năng thích ứng tốt với môi trường xã hội. Sinh viên khi đang học và sau khi ra trường biết cách xây dựng tốt các mối quan hệ, cải thiện giao tiếp, tự tin với bản thân và phát triển sự nghiệp.	30/0/60	
37	15 00 15 151	Địa lý học lịch sử Việt Nam	Học phần trang bị những kiến thức tổng quan về địa lý tự nhiên Việt Nam, về lịch sử Việt Nam, quá trình hình thành lãnh thổ Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Từ kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử người học áp dụng linh hoạt trong giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai. Cũng qua đó giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức bảo vệ Tổ Quốc, khát vọng cống hiến để phát triển đất nước hòa bình, thịnh vượng trong thời kỳ hội nhập.	30/0/60	
38	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng	Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về dãy số, hàm số và giới hạn; sự liên tục của hàm số; đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm một biến; ma trận và các phép toán về ma trận; định thức; hệ phương trình tuyến tính; phép tính vi phân của hàm nhiều biến và tích phân bội.	30/0/60	
39	15 04 1 5 401	Quản trị học	Quản trị học là môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức, dự án. Chương 1 cung cấp các khái niệm cơ bản, đại cương về Quản trị học; môi trường hoạt động của tổ chức. Chương 2 các chức năng quản trị, nhà quản trị và các lý thuyết quản trị. Chương 3 trình bày về các tình huống quản trị trong thực tế để minh họa cho học viên nắm bắt các vấn đề thực tiễn.	30/0/60	
2.2. Kiến thức cơ sở ngành					
40	15 04 1 5 118	Nguyên lý thống kê	Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý thuyết, chuẩn bị cho những tiết thực hành trên máy tính có hiệu quả, là cơ sở quan trọng cho người học tiếp cận các môn học chuyên ngành kinh tế. Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh với các ví dụ gần gũi với thực tế.	30/0/60	

41	15 02 1 5 101	Cơ sở quản lý đất đai	Trình bày những kiến thức cơ bản về (1) Cơ sở lý luận nghiên cứu quản lý đất đai bao gồm các nội dung về nguyên lý Bất định và lý thuyết Vị thế - Chất lượng, các ứng dụng trong nghiên cứu quản lý đất đai; (2) Lý thuyết về quản lý đất đai bao gồm các nội dung về vai trò của nhà nước trong quản lý đất đai, nội dung, phương pháp và cơ chế quản lý nhà nước về đất đai, tổng quan các hệ thống quản lý đất đai ở một số nước trên thế giới và tìm hiểu chi tiết về hệ thống quản lý nhà nước về đất đai của nước CHXHCN Việt Nam.	30/0/60	
42	15 01 1 5 101	Tài nguyên đất đai	Trình bày 03 nội dung chính, bao gồm: tổng quan những vấn đề cơ bản về tài nguyên đất đai; nghiên cứu điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và mối quan hệ đến việc hình thành tài nguyên đất đai Việt Nam; nghiên cứu những tính chất cơ bản về đất và phân loại, đánh giá tài nguyên đất đai theo quan điểm phát sinh và quan điểm kinh tế-xã hội.	30/0/60	
43	15 04 1 5 101	Kinh tế đất đai	Nắm vững kiến thức về cơ chế hoạt động và các hình thức biểu hiện của các quy luật kinh tế trong sử dụng đất đai, cụ thể như khái niệm đất đai, quan hệ sở hữu đất đai, quy luật phân vùng và giá trị đất đai,... Có khả năng phân tích tổng hợp lý giải các vấn đề về đất đai một cách khoa học; Nhận biết được các xu hướng sử dụng đất đai dưới tác động của các quy luật kinh tế khách quan, từ đó có thể xác định được các biện pháp phát huy tính tích cực hay giới hạn tác động tiêu cực của các quy luật này.	30/0/60	
44	15 02 1 5 116	Chính sách đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về chính sách đất đai. Học phần được chia thành 3 phần, có nội dung cơ bản là: tổng quan về chính sách và chính sách đất đai, các nguyên tắc cơ bản của chính sách đất đai và một số chính sách đất đai chính.	30/0/60	
2.3. Kiến thức ngành					
45	15 01 1 5 118	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	Học phần Sử dụng và Bảo vệ Tài nguyên đất đai bao gồm 04 nội dung chính: (1) Những vấn đề cơ bản về tài nguyên đất: trình bày khái niệm, các đặc điểm của đất đai, các tính chất thổ nhưỡng của đất đai, tình hình sử dụng tài nguyên đất ở Việt Nam; (2) Giá trị sử dụng đất đai: Nghiên cứu các khái niệm, các chỉ tiêu xác định giá trị sử dụng, phương pháp sử dụng đất, khả năng sử dụng một số nhóm đất chính ở Việt Nam và tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng đất đến chất lượng đất đai; (3) Nghiên cứu các quá trình thoái hóa và ô nhiễm đất: Khái niệm; các loại hình và yếu tố ảnh hưởng đến thoái hóa đất, ô nhiễm đất; nguyên nhân của thoái hóa ô nhiễm đất, thực trạng, hậu quả của thoái hóa, ô nhiễm đất; phương pháp và quy trình đánh giá thoái hóa đất; (4)	30/0/60	

			Khái niệm, sự cần thiết phải bảo vệ đất và các giải pháp bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên đất.		
46	15 01 1 5 103	Đánh giá đất đai	Học phần Đánh giá đất đai trình bày những vấn đề về đánh giá tiềm năng nguồn tài nguyên đất đai trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất đai, căn cứ xác định các chỉ tiêu về tự nhiên và kinh tế xã hội để xây dựng bản đồ đơn vị đất đai, lựa chọn, mô tả loại hình sử dụng đất, yêu cầu sử dụng đất và xác định các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và môi trường để đánh giá khả năng thích nghi của từng mục đích cụ thể cho từng đơn vị đất đai trên quan điểm sinh thái và phát triển bền vững...	30/0/60	
47	15 04 1 5 102	Định giá đất đai	Nắm vững cơ sở lý luận về giá trị đất đai, các nguyên tắc và phương pháp định giá đất đai. Nhận biết và định lượng được mức độ tác động các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả đất đai; xác định được giá trị đất đai các loại cho từng mục tiêu cụ thể.	30/0/60	
48	15 01 1 5 104	Quy hoạch sử dụng đất đai	Quy hoạch đất đai là môn học chuyên ngành cung cấp những kiến thức về cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của quy hoạch đất đai theo ngành và theo lãnh thổ, xét trong mối quan hệ với quy hoạch liên ngành, quy hoạch ngành; nội dung và phương pháp quy hoạch đất đai.	30/0/60	
49	15 04 1 5 119	Phân tích định lượng cho quản lý	Phân tích định lượng trong quản lý là học phần trong nhóm kiến thức chung của ngành quản lý đất đai. Học phần cung cấp kiến thức chung về thống kê toán, phân tích hồi quy; phương pháp dự báo định lượng, mô hình toán và phương pháp tối ưu. Từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền cho các môn học chuyên ngành.	30/0/60	
50	15 04 1 5 108	Tài chính và đầu tư bất động sản	Môn học này giới thiệu cho sinh viên công cụ phân tích quyết định đầu tư tài sản bất động sản bao gồm kiến thức về các lĩnh vực liên quan đến đầu tư và kỹ thuật được sử dụng để đánh giá các quyết định tài chính liên quan đến bất động sản thương mại.	30/0/60	
51	15 04 1 5 115	Phát triển bất động sản	Trình bày các kiến thức tổng hợp về quá trình phát triển bất động sản, bao gồm các bước tìm kiếm đất đai, hình thành ý tưởng kinh doanh, nghiên cứu thị trường, thiết kế ý tưởng, tìm nguồn tài chính tài trợ cho dự án và lập hồ sơ dự án, xin cấp phép, vay vốn và triển khai dự án.	30/0/60	
52	15 04 1 5 111	Quản trị bất động sản	Môn học trình bày các kiến thức tổng quan về quản trị BĐS (khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của môn học, cung cấp cho sinh viên tổng quan các quy định quản trị BĐS theo quy định của pháp luật và tình hình phát triển quản trị BĐS của Việt Nam hiện nay); Nội dung quản trị BĐS (Quản trị khách hàng, Quản lý các dịch vụ BĐS, Quản trị tài chính BĐS...); Thiết lập kế hoạch và quy trình quản trị BĐS (Lập phương án quản lý,	30/0/60	

			Kế hoạch nhân sự; Thiết lập quy trình quản lý, Thiết lập hệ thống kiểm soát...) và thực hành, khảo sát một số mô hình quản trị BDS cụ thể.		
53	15 00 1 5 101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học những kiến thức về phương pháp luận và phương pháp thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học.	30/0/60	
2.4. Kiến thức chuyên ngành					
54	15 03 1 5 101	Tin học chuyên ngành	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề trong hoạt động quản lý đất đai.	15/0/30	
55	15 03 1 5 102	Thực hành tin học chuyên ngành	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức về sử dụng các phần mềm chuyên ngành để giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý đất đai.	0/60/60	
56	15 04 1 5 120	Mô hình hóa định giá đất đai	- Trình bày các kiến thức cơ bản về mô hình hóa toán học và mô hình toán học giá đất, phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính và hồi quy cây quyết định xây dựng mô hình toán học giá đất, quy trình các bước xây dựng mô hình toán học giá đất, các ứng dụng trong định giá đất hàng loạt và cụ thể. - Trình bày cơ sở khoa học về định giá đất đai, các tiêu chuẩn Thẩm định giá tài sản Việt Nam, các nguyên tắc và phương pháp định giá đất đai theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành; về quy trình định giá đất cụ thể và hàng loạt.	30/0/60	
57	15 04 1 5 104	Thị trường bất động sản	Nắm vững những vấn đề cơ bản về cung cầu và giá cả bất động sản, các đặc điểm của các phân hệ thị trường này; cơ chế quản lý nhà nước về thị trường bất động sản. Có khả năng phân tích tổng hợp lý giải các vấn đề về sự vận động của đất đai, nhà ở trong thị trường một cách khoa học; Nhận biết được các xu hướng vận động của thị trường và tác động của nó tới việc sử dụng nhà đất, từ đó có thể xác định được các biện pháp quản lý phù hợp.	30/0/60	
58	15 04 1 5 105	Phân tích thị trường bất động sản	Học phần phân tích thị trường bất động sản trình bày những vấn đề về phương pháp phân tích định lượng thị trường bất động sản như phân tích và xây dựng mô hình giá bất động sản, phân tích xác định các phân khúc và phân vùng của cầu thị trường bất động sản, phân tích lợi nhuận đầu tư và đánh giá tiềm năng phát triển bất động sản trong các phân khúc và phân vùng thị trường, đồng thời ứng dụng kết quả phân tích vào quản lý và phát triển thị trường bất động sản.	30/0/60	
59	15 04 1 5 106	Định giá bất động sản	Nắm vững các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản quốc tế và tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam; các phương pháp và quy trình định giá các loại bất động sản chuyên biệt; chuẩn	30/0/60	

			mức nghề nghiệp định giá bất động sản trong nước và trên thế giới. Nhận biết được các loại bất động sản; lựa chọn được phương pháp và kỹ thuật định giá phù hợp ứng với từng loại bất động sản trong một điều kiện xác định; phân tích được những ưu và nhược điểm của từng phương pháp sử dụng trong định giá bất động sản cụ thể; xác định được giá trị của bất động sản cụ thể tại một thời điểm xác định cho từng mục đích riêng biệt làm cơ sở tư vấn cho việc đưa ra các quyết định liên quan đến bất động sản như mua/bán, thuê/cho thuê, thế chấp/nhận thế chấp, đầu tư/góp vốn liên doanh.		
60	15 04 1 5 103	Hệ thống quản lý giá đất	Trình bày tổng hợp các kiến thức về hệ thống quản lý giá đất bao gồm các văn bản pháp luật, các tiêu chí phân vùng, phân khu vực và vị trí đất, các phương pháp và quy trình định giá đất hàng loạt và cụ thể theo quy định của pháp luật hiện hành, giới thiệu hệ thống thông tin hỗ trợ định giá đất.	30/0/60	
61	15 04 1 5 110	Marketing bất động sản	Học phần Marketing bất động sản cung cấp những kiến thức chuyên sâu về marketing trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, cụ thể giải quyết các vấn đề về phân tích thị trường, phân tích khách hàng, đối thủ cạnh tranh... nhằm xác định phân khúc thị trường tiềm năng. Môn học còn đề cập đến các yếu tố cơ bản của marketing bất động sản: sản phẩm bất động sản, phương pháp định giá, kênh phân phối và các chương trình hỗ trợ khác.	30/0/60	
62	15 04 1 5 112	Kiến trúc công trình xây dựng	Trình bày những kiến thức chung về kiến trúc công trình bất động sản, làm cơ sở chung cho việc nghiên cứu thiết kế kiến trúc của từng loại công trình nhà ở, bao gồm các loại hình kiến trúc, phân khu chức năng và tổ hợp không gian nhà ở, thẩm mỹ nhà ở, trên cơ sở đó ứng dụng tổng hợp trong quy hoạch, phát triển và quản lý nhà ở.	30/0/60	
63	15 04 1 5 113	Dự toán công trình xây dựng	Hiểu rõ các bộ phận cấu tạo của các loại công trình xây dựng và tác dụng của nó thông qua môn học Kiến trúc công trình xây dựng đã học, môn học Dự toán công trình xây dựng là môn học giúp tính toán được toàn bộ chi phí đầu tư cho một công trình thực tế.	30/0/60	
64	15 04 1 5 109	Lập dự án đầu tư bất động sản	Trình bày những kiến thức chung về đầu tư và dự án đầu tư, về nội dung, quy trình và phương pháp lập dự án đầu tư bất động sản; các tiêu chuẩn đánh giá lựa chọn và thẩm định dự án đầu tư bất động sản.	30/0/60	
65	15 04 1 5 114	Quản lý dự án đầu tư bất động sản	Môn học trình bày các kiến thức cơ bản về: đầu tư, dự án đầu tư BĐS, mô hình tổ chức và quản lý dự án đầu tư BĐS, lập kế hoạch dự án, quản lý phân phối các nguồn lực, dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án, quản lý chất lượng dự án, giám sát và đánh giá dự án, quản lý rủi ro đầu tư bất động sản. Ngoài ra, một bài tập lớn về mô hình quản lý dự án sẽ được tổ chức thực hiện theo nhóm.	30/0/60	

66	15 04 1 5 125	Đồ án Định giá bất động sản	Đồ án định giá bất động sản là môn học chuyên sâu của ngành cung cấp các kỹ năng cơ bản về việc xác định giá bất động sản bằng những phương pháp định giá cụ thể như phương pháp so sánh, phương pháp thu nhập, phương pháp thẳng dư, phương pháp chi phí. Việc ứng dụng mỗi phương pháp đòi hỏi sinh viên có sự hiểu biết chính xác về từng đặc điểm của thửa đất và mục đích sử dụng đất phù hợp. Khi làm đồ án tốt nghiệp, giúp người học hiểu rõ hơn về các khái niệm giá cả, giá trị, các hình thái của giá trị bất động sản và vận dụng phương pháp định giá chính xác hơn.	0/0/60	
67	15 04 1 5 126	Đồ án Phân tích thị trường bất động sản	Vận dụng những kiến thức về lý thuyết, phương pháp và quy trình phân tích định lượng thị trường BDS trong việc xây dựng hàm giá BDS, xác định chỉ số giá BDS trong các phân khúc thị trường và dự báo xu hướng cung cầu thị trường BDS.	0/0/60	
68	15 04 1 5 210	Đồ án Lập dự án đầu tư bất động sản	Đồ án Lập dự án đầu tư bất động sản là môn học chuyên sâu của ngành, vận dụng những kiến thức về lý thuyết đã học: nội dung, quy trình và phương pháp lập dự án đầu tư bất động sản; các tiêu chuẩn đánh giá lựa chọn và thẩm định dự án đầu tư bất động sản.	0/0/60	
69	15 04 1 5 127	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	- Chọn đề tài, địa phương hoặc đơn vị hoạt động trong ngành NN để thực tập nắm bắt, tìm hiểu những hoạt động trong thực tế sản xuất NN ở Việt Nam. - Phân tích những ưu, nhược điểm của đơn vị và kiến nghị những giải pháp đem lại hiệu quả hơn mang tính khoa học, thực tiễn.	0/0/30	
70	15 02 1 5 120	Luật đất đai	Trang bị cho sinh viên một cách hệ thống các kiến thức tổng quát về nhà nước và pháp luật. Giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn học thuộc kiến thức chuyên ngành và vận dụng vào thực tiễn hiện nay cũng như sau khi tốt nghiệp.	30/0/60	
71	15 02 1 5 123	Luật kinh doanh bất động sản	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản trong hoạt động kinh doanh bất động sản, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản và quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản, giúp sinh viên tiếp cận kiến thức pháp luật chuyên sâu phục vụ cho các môn học khác trong chuyên ngành.	30/0/60	
72	15 02 1 5 124	Luật nhà ở và Luật xây dựng	Tăng cường pháp chế XHCN và tạo nền tảng cơ sở cho sinh viên hiểu và vận dụng quy định của pháp luật vào thực tế. Sinh viên nhận thức đúng đắn về vai trò của luật pháp trong sự phát triển của nền kinh tế - xã hội	30/0/60	
73	15 02 1 5 122	Luật dân sự	Nắm vững những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về lĩnh vực dân sự; Quan hệ pháp luật dân sự; Giao dịch dân sự; Hợp đồng dân sự; Nhóm quan hệ về nhân thân và tài sản trong quan hệ dân sự, kinh doanh, thương mại. Phân tích các nhóm quan hệ tài sản, nhân thân, thương mại; vận dụng vào thực tế, quan sát và hiểu rõ các quan hệ nhân thân - tài sản, cơ chế	30/0/60	

			giao dịch tự do trong thị trường, cơ chế hoạt động kinh doanh bất động.		
74	15 04 1 5 209	Marketing trực tuyến	Học phần Marketing trực tuyến trình bày những khái niệm và phương pháp thực hiện tối ưu hóa về marketing trực tuyến nhằm đem lại hiệu quả cao cho các chiến lược và chiến dịch marketing của một doanh nghiệp trên nền tảng internet, cụ thể học về phương pháp SEM, SEO, PPC, Email Marketing, Social Media.	30/0/60	
75	15 04 1 5 202	Kiến trúc cảnh quan	Học phần cung cấp kiến thức về hệ thống kiến trúc tổ chức không gian, môi trường trong và ngoài đô thị ở Việt Nam và trên thế giới.	30/0/60	
76	15 00 1 5 205	Văn hoá bản địa và kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng	Học phần cung cấp kiến thức về văn hóa của các vùng miền và đặc trưng kiến trúc tại từng nơi. Ngoài ra môn học còn trình bày mối quan hệ, sự liên kết giữa nền văn hóa bản địa với kiến trúc công trình đặc biệt các công trình du lịch, nghỉ dưỡng.	30/0/60	
77	15 04 1 5 203	Kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng vùng nông thôn	Trình bày những kiến thức chung về kiến trúc công trình phục vụ trong ngành du lịch, các công trình bất động sản nghỉ dưỡng nói chung. Từ đó đi sâu phân tích các đặc điểm thiết kế kiến trúc các công trình du lịch, nghỉ dưỡng ở khu vực nông thôn.	30/0/60	
78	15 04 1 5 211	Quản trị môi trường và kỹ thuật toà nhà	Môn học trình bày các khái niệm về công trình nhà ở, toà nhà và các công trình khác; các phương pháp quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường công trình; các phương pháp phòng ngừa và xử lý ô nhiễm dạng khí. Ngoài ra học phần còn trình bày các khái niệm về thông gió và kiểm soát thông gió trong các công trình, về chiếu sáng trong các công trình và điều khiển chiếu sáng hiệu quả.	30/0/60	
79	15 01 1 5 122	Quy hoạch sử dụng đất đô thị	Môn học trình bày những vấn đề chung về đô thị, quy hoạch và quản lý đô thị làm cơ sở chung cho việc nghiên cứu quy hoạch đô thị; Các phương pháp phân vùng sử dụng đất đô thị; Các phương pháp lựa chọn đất xây dựng đô thị; Các nguyên lý tổ chức các khu chức năng và liên kết thành tổ chức không gian đô thị; Quản lý quy hoạch đô thị; Nội dung, quy trình và các sản phẩm của các đồ án quy hoạch đô thị.	30/0/60	
80	15 00 1 5 203	Phong thủy và ứng dụng	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học nắm vững các kiến thức về phong thủy, các ứng dụng của phong thủy trong chọn đất xây nhà ở và quy hoạch đất đai và kiến trúc xây dựng, bố trí nội thất.	30/0/60	
81	15 02 1 5 107	Hệ thống đăng ký đất đai	Hiểu được vị trí và vai trò của đăng ký đất đai trong hệ thống quản lý nhà nước về đất đai, nắm vững kiến thức về hệ thống các tiêu chí đăng ký, hệ thống hồ sơ đăng ký, cơ chế đăng ký đất đai. Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề đăng ký đất đai, có kỹ năng nghiệp vụ đăng ký và hoàn thiện hồ sơ địa chính.	30/0/60	

82	15 02 1 5 108	Thống kê và kiểm kê đất đai	Nắm vững nội dung về thống kê đất đai hàng năm, kiểm kê đất đai định kỳ và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai. Thực hiện được các nghiệp vụ về thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai.	30/0/60	
83	15 03 1 5 105	Quản lý thông tin đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức về thông tin đất đai, nhận biết được vai trò và chức năng của thông tin đất đai trong hệ thống quản lý đất đai, biết được các phương pháp thu nhận, lưu trữ và xử lý thông tin đất đai.	30/0/60	
84	15 03 1 5 201	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng	Học phần trình bày những nội dung cơ bản về (1) Cơ sở lý thuyết về mô hình hóa các đối tượng địa lý trong không gian 3 chiều; (2) Cơ sở lý thuyết về mô hình thông tin công trình (BIM) và mô hình số tòa nhà (DBM) (3) Phương pháp xây dựng và vận hành mô hình số tòa nhà; (4) Khai thác thông tin trong mô hình số tòa nhà phục vụ công tác quản lý bất động sản.	30/0/60	
2.5. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp					
85	15 04 1 5 130	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần quan trọng, nhằm gắn chặt việc học tập lý thuyết với lao động sản xuất thực tế, tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp tham gia sản xuất, nâng cao chất lượng đào tạo một cách toàn diện. Sinh viên được thực tập tại cơ quan, công ty về quản lý đất đai để tìm hiểu, làm quen, nắm bắt được nội dung các công việc trong ngành quản lý đất đai.	0/0/120	
86	15 04 1 5 131	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp cơ sở đào tạo nhận biết được năng lực chuyên môn của học viên làm cơ sở để xét tốt nghiệp. Giúp sinh viên nâng cao kiến thức thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, khả năng tư duy đồng thời phát triển kỹ năng đặt câu hỏi và giải quyết vấn đề trong thực tế công việc chuyên môn sau khi ra trường.	0/0/240	

5.7. So sánh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Bất động sản của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Bảng so sánh chương trình đào tạo

Mô tả	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh		Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội		Trường ĐH Tài chính – Marketing		Trường ĐH Nông lâm TP. Hồ Chí Minh	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức giáo dục đại cương:	29	21	35	26,3	21	16,5	30	22,1
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	79	98	73,7	86	67,7	96	77,9
Kiến thức cơ sở nhóm ngành:	25	18	-	-	6	4,7	-	-
Kiến thức cơ sở ngành:	10	7	15	11,3	27	21,3	45	33,1
Kiến thức ngành:	18	13	51	38,3	16	12,6	-	-
Kiến thức chuyên ngành:	42	31	20	15,0	25	19,7	51	37,5
Bắt buộc:	30	22	-	-	18	14,2	34	25,0
Tự chọn:	12	9	-	-	7	5,5	17	12,5
Kiến thức bổ trợ	0	0	-	-	12	9,4	-	-
Tốt nghiệp:	12	9	12	9	8	6,3	10	7,4
Tổng cộng	136	100%	133	100%	127	100%	136	100%

5.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1) Chương trình Bất động sản được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 136 tín chỉ.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học:

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được

đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trường Khoa Quản lý đất đai chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Khoa Quản lý đất đai đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá... được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

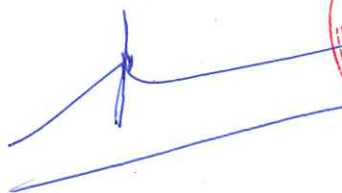
TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thanh Hùng



Lê Hoàng Nghiêm



Huỳnh Quyền